ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

VỞ BÀI TẬP
Toán 2

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

VỞ BÀI TẬP

Toán 2

TẬP HAI

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số ? Viết số thích hợp vào trong ô ☐

> < = ? Viết dấu (>, <, =) thích hợp vào trong ô ☐

Bài tập luyện tập, thực hành

Bài tập vận dụng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
VỞ BÀI TẬP TOÁN 2

Vở bài tập Toán 2 (gồm 2 tập) là cuốn sách đi cùng với sách giáo khoa Toán 2 (Tổng Chủ biên – GS.TSKH Đỗ Đức Thái và Chủ biên – PGS.TS Đỗ Tiến Đạt), được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 2; Giúp các em học sinh lớp 2 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tăng cường khả năng hoạt động độc lập, tự học có hướng dẫn, tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh.

Khi sử dụng **Vở bài tập Toán 2** cần chú ý một số điểm sau:

1. **Vở bài tập Toán 2** gồm các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong sách giáo khoa Toán 2, nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa Toán 2. Học sinh cũng có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.

2. Sau mỗi chủ đề, **Vở bài tập Toán 2** có giới thiệu các bài kiểm tra, tạo điều kiện để học sinh tự đánh giá và giúp các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

3. Trong cùng một buổi học không nên yêu cầu học sinh vừa làm bài tập trong sách giáo khoa vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, tránh gây nặng nề không cần thiết.

Các tác giả

Bài 52 LÀM QUEN VỚI PHÉP NHÂN DẤU NHÂN

1 **Xem hình rồi nói và viết phép nhân (theo mẫu):**

Mẫu:

5 được lấy 3 lần

5 x 3 = 15

a)

4 được lấy 5 lần

4 ◯ 5 = 20

b)

6 được lấy 2 lần

6 ◯ 2 = 12

2 **Nối phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:**

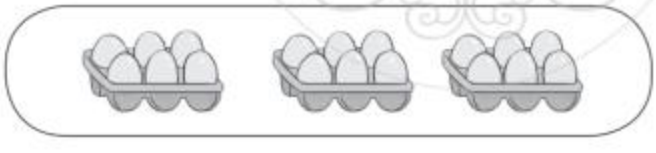

5 x 2

6 x 3

4 x 3

Cánh Diều

3 **Vẽ các chấm tròn thích hợp với mỗi phép nhân (theo mẫu):**

Phép nhân	Hình vẽ
3 x 5	
3 x 2	
4 x 3	
5 x 4	
5 x 5	

4 a) Xem tranh rồi thảo luận về phép tính của Quân và Thư. Theo em, bạn nào nêu phép tính đúng?

Trả lời: .....

.....

b) Kể một tình huống có sử dụng phép nhân trong thực tế.

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 53 PHÉP NHÂN

1 Xem hình rồi nói và viết phép nhân (theo mẫu):

Mẫu:

2 x 4 = ?

2 x 4 = 2 + 2 + 2 + 2 = 8

2 x 4 = 8

a)

4 x 3 = ?

4 x 3 = 4 + 4 + 4 = 12

☐ x ☐ = ☐

b)

5 x 2 = ?

5 x 2 = 5 + 5 = 10

☐ x ☐ = ☐

c)

6 x 3 = ?

6 x 3 = 6 + 6 + 6 = 18

☐ x ☐ = ☐

Cánh Diều

2 Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân (theo mẫu):

Mẫu: 7 + 7 + 7 = 21
7 x 3 = 21

a) 2 + 2 + 2 = 6

.....

b) 10 + 10 + 10 + 10 = 40

.....

c) 9 + 9 = 18

.....

d) 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 30

.....

3 Nối phép nhân với tổng tương ứng:

a)

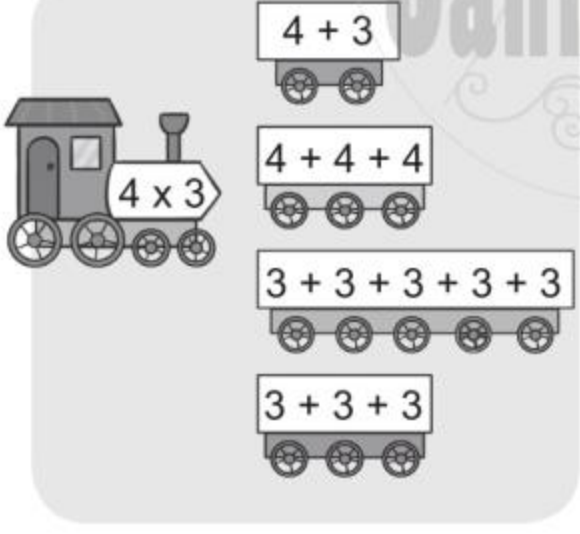

b)

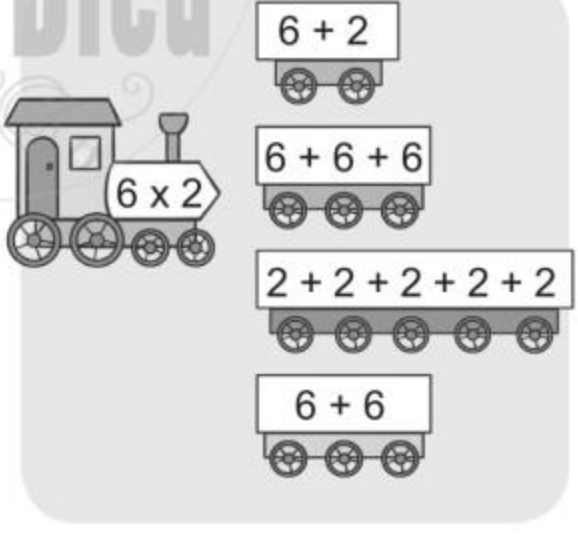

Cánh Diều

4 Viết phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)

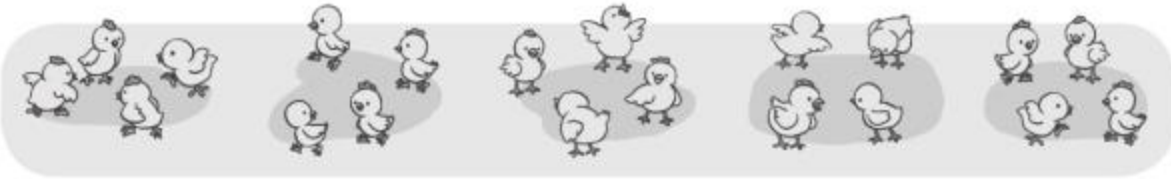

□ ○ □ = □

b)

□ ○ □ = □

5 Xem tranh rồi viết một tình huống có phép nhân:

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 54 THỪA SỐ – TÍCH

1 **Viết từ "thừa số" hoặc "tích" thích hợp vào chỗ chấm:**

a) 5 x 2 = 10

....

b) 4 x 3 = 12

....

2 **Tìm tích, biết các thừa số lần lượt là:**

a) 2 và 3 b) 4 và 5

....

3 **Thực hành "Lập tích"**

4 x 2 ....

3 x 5 ....

Bài 55 BẢNG NHÂN 2

1 Tính nhẩm:

2 x 7 = ... 2 x 2 = ... 2 x 6 = ... 2 x 3 = ... 2 x 10 = ...

2 x 5 = ... 2 x 9 = ... 2 x 4 = ... 2 x 1 = ... 2 x 8 = ...

2 Tính (theo mẫu):

Mẫu: 2 kg x 4 = 8 kg

2 kg x 6 = ... 2 cm x 8 = ... 2 *l* x 7 = ...

2 kg x 10 = ... 2 dm x 9 = ... 2 *l* x 5 = ...

3 a) Viết phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:

□ ○ □ = □ □ ○ □ = □

b) Kể một tình huống có sử dụng phép nhân 2 x 4 trong thực tế.

Trả lời: .....

.....

.....

4 Viết số hoặc phép nhân thích hợp:

a) Mỗi người có 2 chân, 2 người có ☐ chân.

Ta có phép nhân ☐ ○ ☐ = ☐

b) Mỗi người có 2 chân, 3 người có ☐ chân.

Ta có phép nhân ☐ ○ ☐ = ☐

c) Mỗi người có 2 chân, 5 người có ☐ chân.

Ta có phép nhân ☐ ○ ☐ = ☐

d) Mỗi người có 2 chân, 8 người có ☐ chân.

Ta có phép nhân ☐ ○ ☐ = ☐

Cánh Diều

Bài 56 BẢNG NHÂN 5

1 **Tính nhẩm:**

5 x 3 = ... 5 x 6 = ... 5 x 1 = ... 5 x 9 = ... 5 x 2 = ...

5 x 7 = ... 5 x 4 = ... 5 x 5 = ... 5 x 10 = ... 5 x 8 = ...

2 **Tính:**

5 kg x 2 = ... 5 cm x 8 = ... 5 *l* x 7 = ...

5 kg x 4 = ... 5 dm x 9 = ... 5 *l* x 5 = ...

3 a) Viết phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:

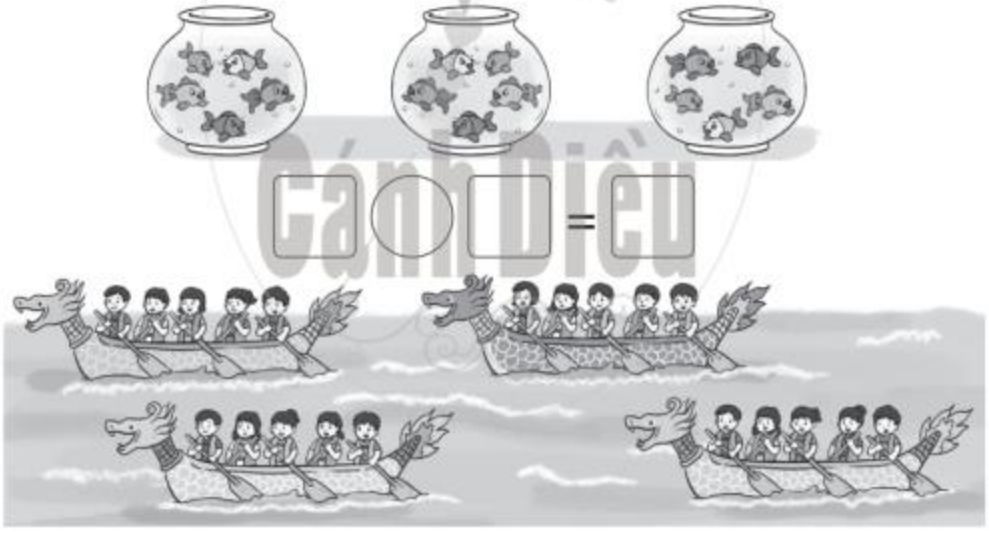

□ ○ □ = □

b) Kể một tình huống có sử dụng phép nhân 5 x 3 trong thực tế.

Trả lời: .....

.....

.....

4 a) Hãy đếm thêm 5 và viết số thích hợp vào ô trống:

b) Vẽ các chấm tròn thích hợp với phép nhân 5 x 5; 5 x 7.

5 x 5	
5 x 7	

5 **Vẽ vào mỗi chiếc khăn dưới đây 5 bông hoa.**

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Mỗi chiếc khăn có 5 bông hoa, 2 chiếc khăn có ..... bông hoa. Ta có phép nhân 5 x 2 = ...

b) Mỗi chiếc khăn có 5 bông hoa, 3 chiếc khăn có ..... bông hoa. Ta có phép nhân ..... x ..... = ...

Cánh Diều

Bài 57 LÀM QUEN VỚI PHÉP CHIA DẤU CHIA

1 **Thực hiện hoạt động sau rồi viết số hoặc phép chia thích hợp vào chỗ chấm:**

a) Chia đều 8 hình tròn cho 2 bạn. Mỗi bạn được ..... hình tròn. Ta có phép chia .....

b) Chia đều 6 hình tròn cho 3 bạn. Mỗi bạn được ..... hình tròn. Ta có phép chia .....

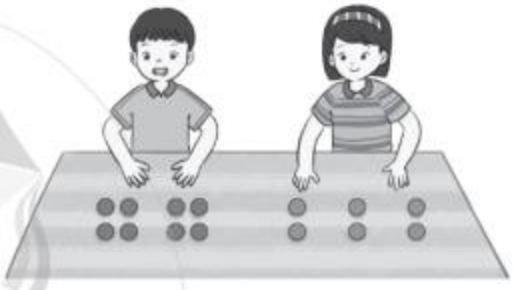

2 **Xem tranh rồi nói và viết phép chia (theo mẫu):**

Mẫu:

Có 10 chiếc bánh, chia đều vào 2 hộp. Mỗi hộp có 5 chiếc bánh. Ta có phép chia 10 : 2 = 5.

a)

Có 9 quả dâu tây, chia đều vào 3 đĩa. Mỗi đĩa có 3 quả dâu tây.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

b)

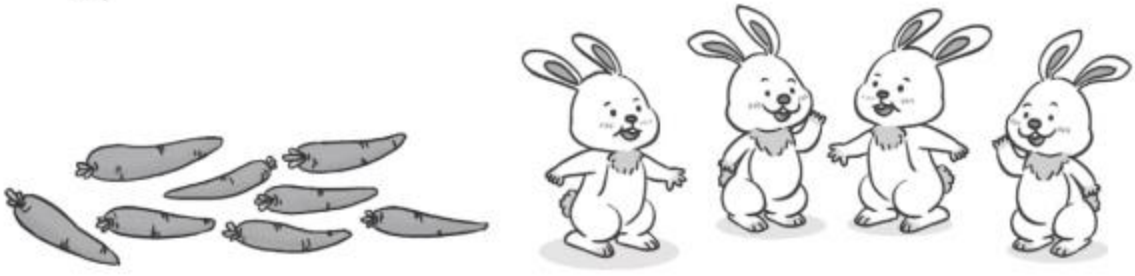

Có 8 củ cà rốt, chia đều cho 4 bạn Thỏ. Mỗi bạn Thỏ được 2 củ cà rốt.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

3 **Nối phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:**

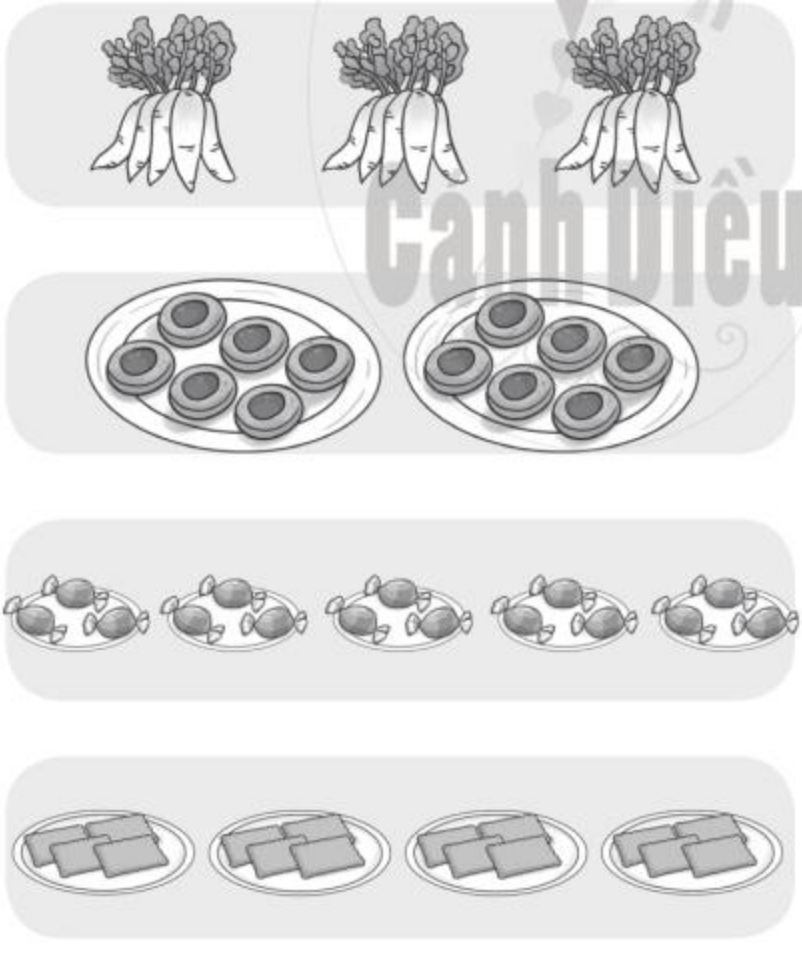

12 : 2 = 6

15 : 3 = 5

16 : 4 = 4

15 : 5 = 3

Cánh Diều

Bài 58 PHÉP CHIA

1 **Thực hiện hoạt động sau rồi viết số hoặc phép chia thích hợp vào chỗ chấm:**

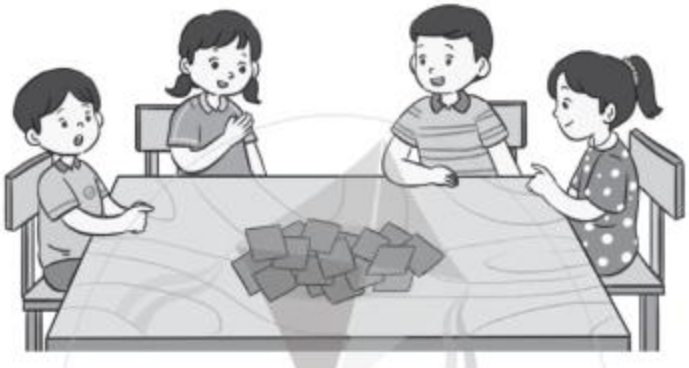

a) Lấy 10 hình vuông, chia cho mỗi bạn 5 hình vuông.
Có ..... bạn được chia. Ta có phép chia .....

b) Lấy 12 hình vuông, chia cho mỗi bạn 3 hình vuông.
Có ..... bạn được chia. Ta có phép chia .....

2 **Xem tranh rồi nói và viết phép chia (theo mẫu):**

Mẫu:

Có 8 quả dưa, xếp vào mỗi rổ 2 quả. Xếp được 4 rổ. Ta có phép chia 8 : 2 = 4.

Có 9 cây con, xếp vào mỗi giỏ 3 cây. Xếp được 3 giỏ.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

3 **Xem tranh rồi viết một tình huống có phép chia:**

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 59 PHÉP CHIA (tiếp theo)

1 Cho phép nhân, viết hai phép chia thích hợp:

a) 2 x 7 = 14

14 : 2 = ☐

14 : 7 = ☐

b) 5 x 3 = 15

☐ : ☐ = ☐

☐ : ☐ = ☐

2 Số ?

2 x 5 = ☐	2 x 10 = ☐	5 x 8 = ☐
10 : 2 = ☐	20 : 2 = ☐	40 : 5 = ☐
10 : 5 = ☐	20 : 10 = ☐	40 : 8 = ☐

Cánh Diều

3 Viết phép nhân và phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)

☐ x ☐ = ☐

☐ : ☐ = ☐

☐ : ☐ = ☐

b)

□ x □ = □

□ : □ = □

□ : □ = □

4 **Kể chuyện theo các bức tranh có sử dụng phép chia 8 : 2.**

Trả lời: .....

.....

.....

.....

.....

Bài 60 BẢNG CHIA 2

1 Tính nhẩm:

4 : 2 = ...	14 : 2 = ...	18 : 2 = ...
6 : 2 = ...	16 : 2 = ...	2 : 2 = ...
12 : 2 = ...	10 : 2 = ...	20 : 2 = ...

2 Tính (theo mẫu):

Mẫu: 8 *l* : 2 = 4 *l*

10 kg : 2 = ...	18 cm : 2 = ...	16 *l* : 2 = ...
14 kg : 2 = ...	20 dm : 2 = ...	12 *l* : 2 = ...

3 Tính nhẩm:

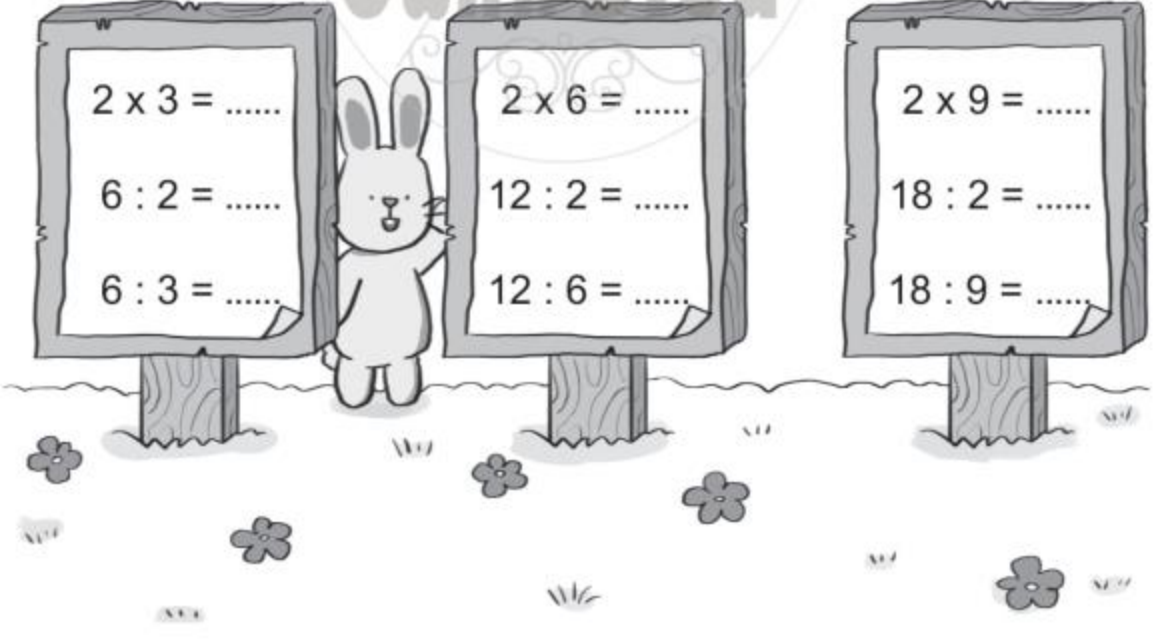

Cánh Diều

4 **Xem tranh rồi nói và viết phép chia thích hợp:**

a)

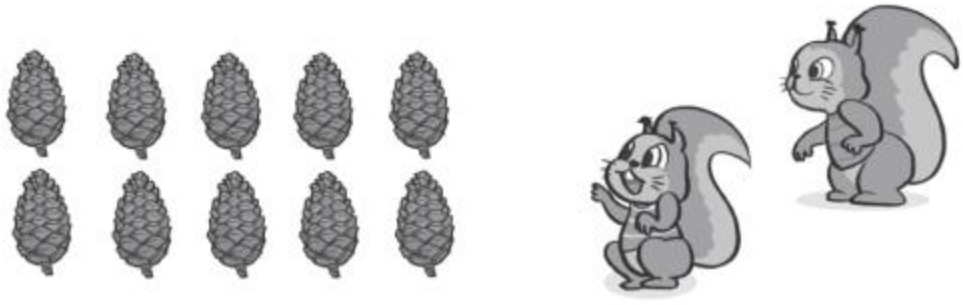

Có 10 quả thông, chia đều cho 2 bạn Sóc. Mỗi bạn Sóc được 5 quả thông.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

b)

Có 8 bánh xe, lắp vào mỗi xe đạp 2 bánh. Lắp đủ cho 4 xe đạp.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

5 **Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 2.**

Trả lời: .....

.....

.....

Cánh Diều

Bài 61 BẢNG CHIA 5

1 Tính nhẩm:

10 : 5 = ...	5 : 5 = ...	15 : 5 = ...
30 : 5 = ...	25 : 5 = ...	50 : 5 = ...
40 : 5 = ...	45 : 5 = ...	35 : 5 = ...

2 Tính:

15 kg : 5 = ...	35 cm : 5 = ...	45 *l* : 5 = ...
20 kg : 5 = ...	50 dm : 5 = ...	30 *l* : 5 = ...

3 Tính nhẩm:

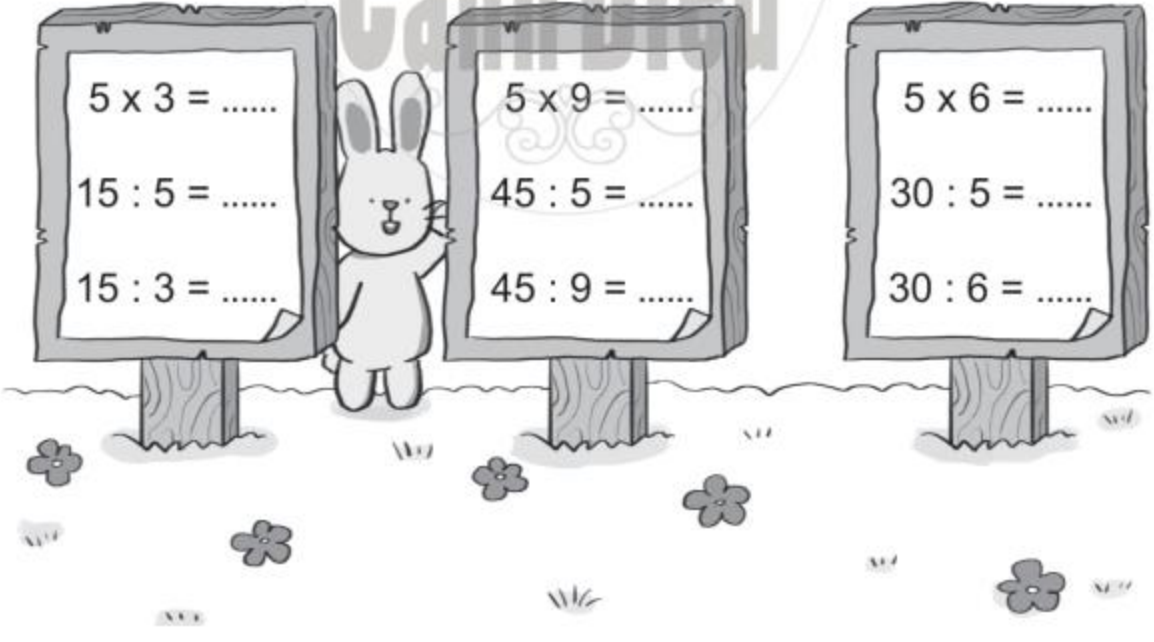

Cánh Diều

4 **Xem tranh rồi nói và viết số hoặc phép chia thích hợp:**

a)

Có 20 bạn, xếp đều vào 5 vòng tròn. Mỗi vòng tròn có ☐ bạn.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

b)

Có 15 cúc áo, khâu vào mỗi áo 5 cúc. Khâu đủ ☐ chiếc áo.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

5 **Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 5.**

Trả lời: .....

.....

.....

Cánh Diều

Bài 62 SỐ BỊ CHIA – SỐ CHIA – THƯƠNG

1 **Viết từ "số bị chia", "số chia" hoặc "thương" thích hợp vào chỗ chấm:**

a) 10 : 2 = 5

....

b) 30 : 5 = 6

....

2 **Tìm thương, biết:**

a) Số bị chia là 8, số chia là 2.

.....

b) Số bị chia là 20, số chia là 5.

.....

3 **Trò chơi "Tìm bạn"**

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

Ta có phép nhân ☐ ○ ☐ = ☐

Bài 63 LUYỆN TẬP

1 a) Tính nhẩm:

2 : 2 = ...	20 : 2 = ...	18 : 2 = ...
5 : 5 = ...	50 : 5 = ...	35 : 5 = ...
4 : 2 = ...	25 : 5 = ...	45 : 5 = ...

b) Chọn một phép chia ở phần a và nêu số bị chia, số chia, thương của phép chia đó.

Trả lời: .....
.....
.....

2 **Cho phép nhân, viết hai phép chia thích hợp:**

a)

2 x 8 = 16

□ : □ = □

□ : □ = □

b)

5 x 7 = 35

□ : □ = □

□ : □ = □

3 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Lớp 2C có 20 học sinh. Các bạn dự kiến phân công nhau cùng dọn vệ sinh lớp học.

a) Nếu chia đều thành 2 nhóm thì mỗi nhóm có ..... bạn.
Ta có phép chia ..... : ..... = ...

b) Nếu chia thành các nhóm, mỗi nhóm 5 bạn thì cả lớp có ..... nhóm. Ta có phép chia ..... : ..... = ...

Bài 64 LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Tính nhẩm:

2 x 5 = ...	5 x 4 = ...	2 x 4 = ...
10 : 5 = ...	20 : 5 = ...	8 : 2 = ...

b) Tính:

2 cm x 6 = ...	5 kg x 10 = ...	2 dm x 8 = ...
25 dm : 5 = ...	18 *l* : 2 = ...	30 kg : 5 = ...

2 **Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:**

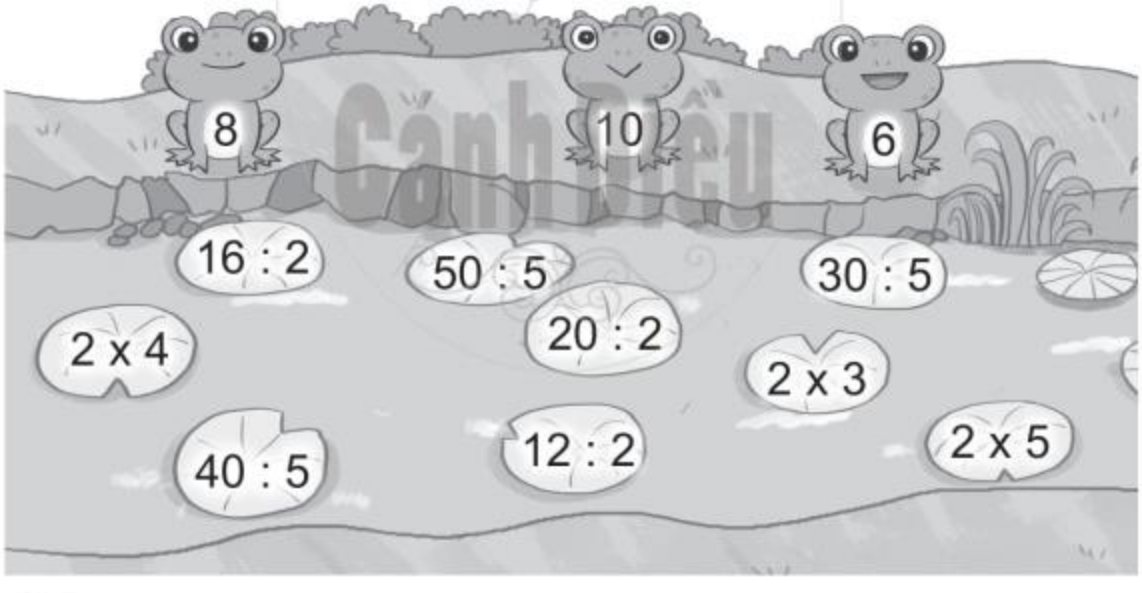

3 **Viết dấu (+, –, x, :) thích hợp vào ô trống:**

12 ◯ 4 = 8	25 ◯ 5 = 30	2 ◯ 4 = 8
20 ◯ 5 = 4	2 ◯ 3 = 6	18 ◯ 2 = 9

4 a) Tìm tích, biết hai thừa số là 5 và 9.

.....

b) Tìm thương, biết số bị chia là 16 và số chia là 2.

.....

5 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Một trường tiểu học dự kiến trồng 30 cây xanh ở vườn trường.

a) Nếu trồng thành 5 hàng đều nhau thì mỗi hàng có ..... cây. Ta có phép chia ..... : ..... = ...

b) Nếu trồng mỗi hàng 5 cây thì trồng thành ..... hàng. Ta có phép chia ..... : ..... = ...

6 **Viết các phép nhân, phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:**

a)

b)

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Cánh Diều

Bài 65 KHỐI TRỤ – KHỐI CẦU

1 Nối mỗi hình sau với tên gọi thích hợp (theo mẫu):

2 Theo em, khối nào lăn được?

Trả lời: .....

3 **Mỗi hình sau có bao nhiêu khối trụ? Khối cầu? Khối lập phương? Khối hộp chữ nhật?**

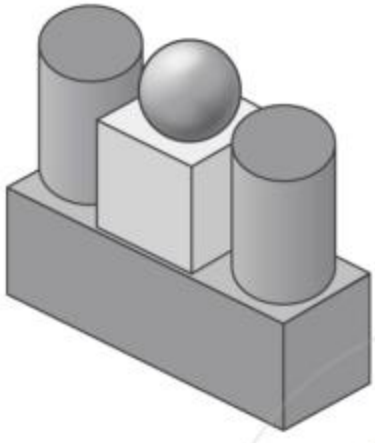

Có ..... khối trụ.

Có ..... khối cầu.

Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

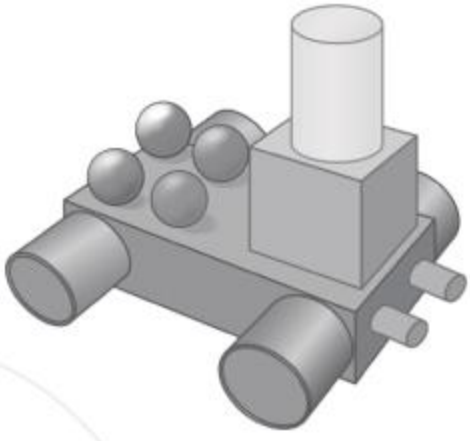

Có ..... khối trụ.

Có ..... khối cầu.

Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

Cánh Diều

4 **Kể tên một số đồ vật trong thực tế:**

a) Có dạng khối trụ.

Trả lời: .....

.....

b) Có dạng khối cầu.

Trả lời: .....

.....

Bài 66 THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH KHỐI

1 **Hình dưới đây có bao nhiêu khối lập phương? Khối hộp chữ nhật? Khối trụ? Khối cầu?**

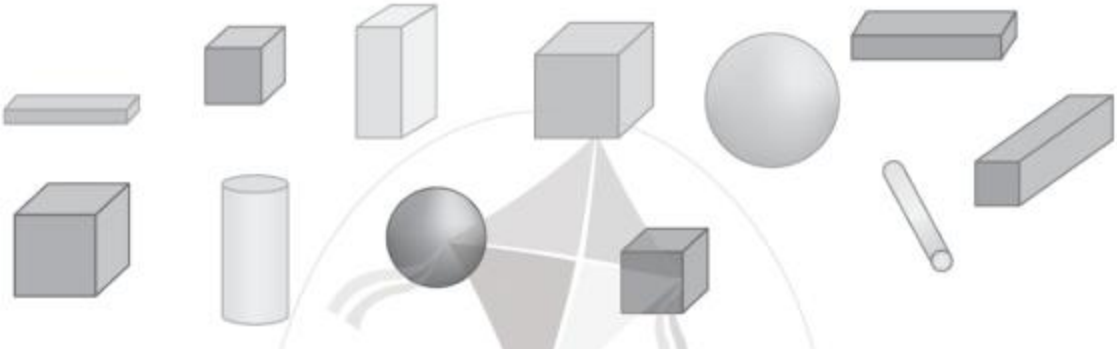

Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

Có ..... khối trụ.

Có ..... khối cầu.

2 a) Xem hình rồi viết vào chỗ chấm thích hợp:

– Ở bên trái của khối cầu là khối: .....

– Ở bên phải của khối cầu là những khối: .....

.....

– Khối ở giữa khối lập phương và khối hộp chữ nhật là:

.....

b) Lấy các khối hình trong bộ đồ dùng xếp theo thứ tự trên.

3 Trò chơi "Đố bạn tìm hình"

Sau đó, đếm các khối hình rồi điền vào chỗ chấm:

Trên bàn có ..... khối trụ, có ..... khối cầu.

4 Sử dụng các khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu để xếp hình em thích. Em đã xếp được hình gì?

Trả lời: .....

.....

5 Em và bạn dùng các khối sau để xếp hình và xem ai xếp được cao hơn, vững chắc hơn và ghi lại kết quả:

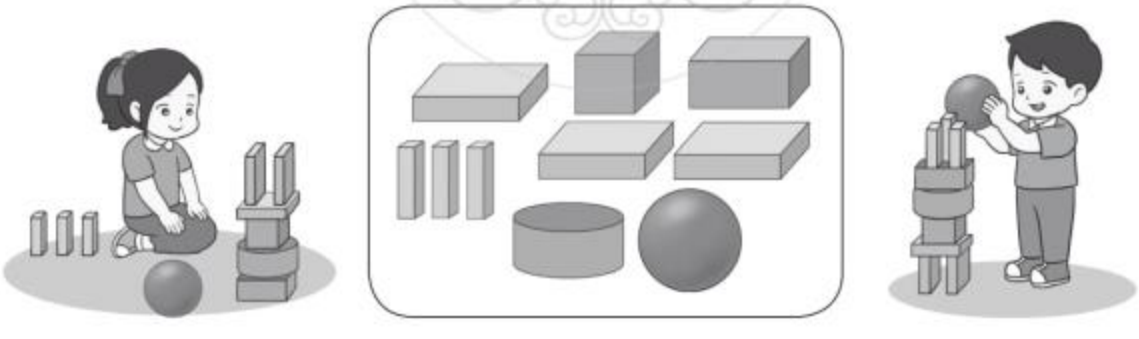

a) Người xếp hình cao hơn là: .....

b) Người xếp hình vững chắc hơn là: .....

c) Em đã dùng ..... khối trụ, ... khối cầu để xếp hình.

Bài 67 NGÀY – GIỜ

1 Nối (theo mẫu):

2 giờ | 5 giờ | 8 giờ | 11 giờ | 12 giờ

13 giờ | 14 giờ | 19 giờ | 20 giờ | 23 giờ

2 Số ?

Mẫu:

21 giờ hay 9 giờ tối.

☐ giờ hay ☐ giờ chiều.

3 Nối mỗi tranh vẽ với đồng hồ thích hợp (theo mẫu):

Loan giúp mẹ làm bánh lúc 15 giờ.

Loan tập đàn lúc 19 giờ.

Loan mang bánh biếu bà lúc 17 giờ.

Bố Loan đi công tác về lúc 20 giờ.

4 Nối câu đố của mỗi bạn với đồng hồ thích hợp:

Lan

Đức

Châu

Cánh Diều

Bài 68 GIỜ – PHÚT

1 Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?

....

2 Vẽ thêm kim phút trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:

a)

4 giờ 15 phút | 5 giờ rưỡi | 11 giờ 15 phút | 12 giờ 30 phút

b)

13 giờ rưỡi | 14 giờ 15 phút | 19 giờ 15 phút | 22 giờ 30 phút

3 Xem tranh rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Nam và các bạn đến hồ Hoàn Kiếm lúc ..... giờ ..... phút.

b) Nam và các bạn đến chùa Một Cột lúc ..... giờ ..... phút.

c) Nam và các bạn đến Văn Miếu lúc ..... giờ ..... phút.

d) Nam và các bạn lên xe ra về lúc ..... giờ ..... phút.

Cánh Diều

4 Hãy viết về thời gian mở cửa và đóng cửa của các địa điểm dưới đây:

Bể bơi trẻ em

7:30 – 9:30

16:15 – 19:00

.....

.....

.....

Thư viện thiếu nhi

8:30 – 11:30

13:30 – 17:15

.....

.....

.....

Bài 69 NGÀY – THÁNG

1 **Xem tờ lịch tháng 10, viết tiếp vào chỗ chấm:**

Tháng 10						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

a) Tháng 10 có ..... ngày.

b) Ngày 20 tháng 10 là thứ .....

c) Đọc và viết các ngày được khoanh tròn trong tờ lịch bên (theo mẫu):

Mẫu:

Đọc	Viết
Ngày ba tháng Mười	Ngày 3 tháng 10
Ngày mười lăm tháng Mười	Ngày 15 tháng 10
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

2 a) Viết các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 6 dưới đây:

Tháng 6						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3		5
6	7	8			11	12
	14		16	17		19
		22	23	24		26
27		29				

b) Xem tờ lịch ở câu a rồi viết tiếp vào chỗ chấm:

– Tháng 6 có ..... ngày.

– Ngày 1 tháng 6 là thứ .....

– Các ngày thứ Bảy trong tháng 6 là những ngày sau: .....

– Nếu thứ Ba tuần này là ngày 14 tháng 6 thì thứ Ba tuần trước là ngày ....., thứ Ba tuần sau là ngày .....

3 **Xem lịch dự báo thời tiết trong tháng 7, trả lời các câu hỏi:**

Lịch thời tiết tháng 7						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

a) Những ngày nào có thể có mưa?

.....

b) Hồng muốn chọn một tuần có nhiều ngày có thể nắng để đi du lịch biển. Hỏi Hồng nên chọn từ ngày nào đến ngày nào?

.....

.....

4 **Thực hành:** Lấy một tờ lịch tháng rồi đánh dấu và ghi chú những ngày có sự kiện đặc biệt trong tờ lịch của em.

Bài 70 LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Nối mỗi câu với đồng hồ thích hợp:**

a) Em giúp mẹ nấu cơm lúc 5 giờ chiều.

b) Em đang học ở trường lúc 9 giờ 30 phút sáng.

c) Cả nhà em ăn cơm lúc 18 giờ 15 phút.

d) Em đi ngủ lúc 21 giờ.

Cánh Diều

2 **Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:**

Vào học: 7 giờ 30 phút

a) Đi học đúng giờ. ☐

b) Đi học muộn giờ. ☐

a) Ngân hàng mở cửa. ☐

b) Ngân hàng đóng cửa. ☐

3 Vẽ thêm kim phút trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:

a)

2 giờ rưỡi

9 giờ 15 phút

10 giờ

11 giờ 30 phút

b)

13 giờ

17 giờ 15 phút

21 giờ 30 phút

24 giờ

4 Xem tờ lịch tháng 12, viết tiếp vào chỗ chấm:

Tháng 12						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

a) Tháng 12 có ..... ngày.

b) Sinh nhật Liên ngày 23 tháng 12 vào thứ .....

c) Liên khoe với bạn: "Còn đúng 5 ngày nữa là đến sinh nhật của mình". Lúc Liên nói là thứ ....., ngày .....

5 Thắng đố Hồng nhìn vào mảnh của tờ lịch tháng 8 dưới đây và trả lời các câu hỏi:

Tháng 8		
Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm
2	3	4
9	10	11
16	17	18
23	24	25

a) Ngày 19 tháng 8 là thứ mấy?

b) Các ngày thứ Hai trong tháng là ngày bao nhiêu?

c) Các ngày thứ Bảy trong tháng là ngày bao nhiêu?

Em hãy giúp Hồng trả lời các câu hỏi của Thắng:

.....

.....

.....

.....

.....

Cánh Diều

Bài 71 EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 **Tính nhẩm:**

2 x 6 = ...	5 x 5 = ...	10 : 2 = ...	35 : 5 = ...
2 x 3 = ...	5 x 8 = ...	8 : 2 = ...	20 : 5 = ...
2 x 9 = ...	5 x 10 = ...	18 : 2 = ...	5 : 5 = ...

2 a) Nêu thừa số, tích trong phép nhân 5 x 9 = 45.

Trả lời: .....

.....

.....

b) Nêu số bị chia, số chia, thương trong phép chia 16 : 2 = 8.

Trả lời: .....

.....

.....

c) Viết một phép nhân có một thừa số là 2.

Trả lời: .....

d) Viết một phép chia có số chia là 5.

Trả lời: .....

Cánh Diều

3 **Xem tranh rồi viết một tình huống có phép nhân hoặc phép chia:**

Trả lời: .....

.....

.....

Cánh Diều

4 **Số** **?**

Hình bên được ghép từ:

☐ khối hộp chữ nhật,

☐ khối trụ,

☐ khối cầu.

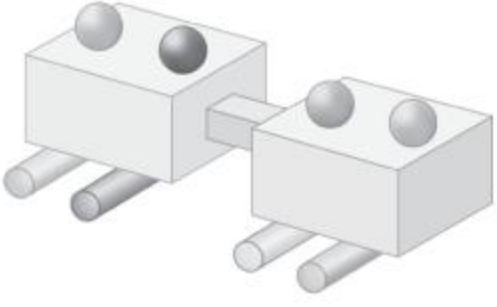

5 Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?

....

6 Xem tờ lịch tháng 5, viết tiếp vào chỗ chấm:

Tháng 5						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

a) Tháng 5 có ..... ngày.

b) Sinh nhật Bác Hồ ngày 19 tháng 5 vào thứ .....

c) Trong tháng 5 có ..... ngày Chủ nhật. Những ngày đó là .....

d) Nếu thứ Bảy tuần này là ngày 7 tháng 5 thì thứ Bảy tuần sau là ngày .....

Bài 72 BÀI KIỂM TRA SỐ 3

1 Tính nhẩm:

2 x 8 = ... 5 x 6 = ... 8 : 2 = ... 30 : 5 = ...

2 x 3 = ... 5 x 9 = ... 12 : 2 = ... 15 : 5 = ...

2 Xem tranh, viết phép nhân và phép chia thích hợp với tranh vẽ:

.....

.....

.....

3 Viết số hoặc phép chia thích hợp:

Có 14 chiếc bánh xếp đều vào 2 chiếc lọ, mỗi lọ có ☐ chiếc bánh.

Ta có phép chia ☐ ○ ☐ = ☐

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên được ghép từ:

..... khối lập phương,

..... khối hộp chữ nhật,

..... khối trụ,

..... khối cầu.

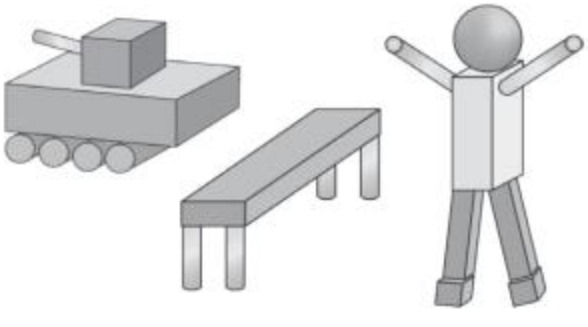

5 Quan sát tờ lịch sau, viết tiếp vào chỗ chấm:

Tháng 9						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		

a) Mai học vẽ vào thứ Năm hằng tuần. Trong tháng 9, Mai học vẽ ..... buổi, đó là những ngày: .....
.....

b) Cuộc thi vẽ tranh chủ đề "Bảo vệ môi trường" diễn ra vào ngày 26 tháng 9, hôm đó là thứ .....

6 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

Hiền ngủ dậy lúc 6 giờ sáng, sau 15 phút Hiền ngồi vào bàn ôn bài. Đồng hồ nào dưới đây chỉ thời gian Hiền bắt đầu ngồi vào bàn ôn bài?

A.

B.

C.

7 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

Bộ sưu tập truyện lịch sử của Hồng được xếp gọn trong 4 ngăn, mỗi ngăn có 5 quyển truyện. Hỏi bộ sưu tập truyện lịch sử của Hồng có bao nhiêu quyển sách?

Phép tính đúng là:

A. 4 x 5 = 9; B. 4 + 5 = 9; C. 5 x 4 = 20.

8 **Quan sát bảng giờ xuất bến trong một ngày của một tuyến xe chở khách rồi trả lời các câu hỏi dưới đây:**

Giờ xuất phát
12:15
13:15
14:15
15:15
16:15
17:15
18:15
19:15
20:15

Cánh Diều

a) Chuyến xe cuối cùng trong ngày xuất bến lúc mấy giờ?

Trả lời: .....

b) Nếu bây giờ là 6 giờ chiều thì tuyến xe đó còn mấy chuyến xe chưa xuất bến trong ngày?

Trả lời: .....

Bài 73 CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):**

Bốn trăm: 400

Năm trăm: ..... Bảy trăm: ..... Chín trăm: .....

Sáu trăm: ..... Tám trăm: ..... Một nghìn: .....

2 **Số ?**

3 Chị Mai muốn mua 800 ống hút làm bằng tre. Chị Mai cần lấy mấy hộp ống hút?

Trả lời: .....

.....

.....

4 **Nối số tương ứng với cách đọc:**

Một trăm tám mươi	150	200	Một trăm bốn mươi
Một trăm năm mươi	170	160	Một trăm sáu mươi
Một trăm bảy mươi	180	140	Hai trăm

5 **Số ?**

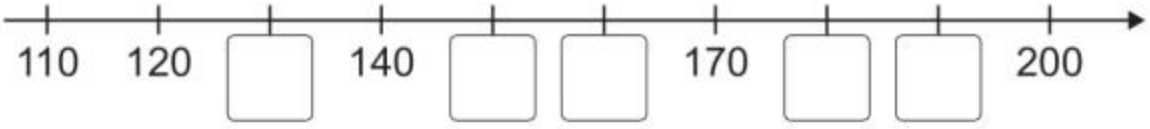

6 **Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:**

Số cúc áo có trong hình vẽ bên là:

A. 800 B. 170 C. 80

7 **Nối cách đọc tương ứng với số:**

Một trăm linh bảy	Một trăm linh năm	Một trăm linh sáu

110 107 103 108 105 106

Một trăm mười	Một trăm linh ba	Một trăm linh tám

Cánh Diều

8 **Số ?**

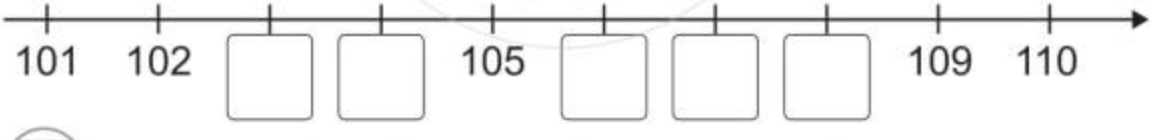

9 **Vẽ hình biểu diễn các số sau (theo mẫu):**

a) 103

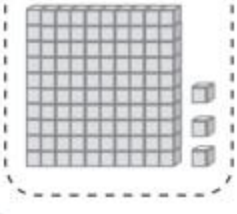

b) 200

c) 120

Bài 74 CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

1 Số ?

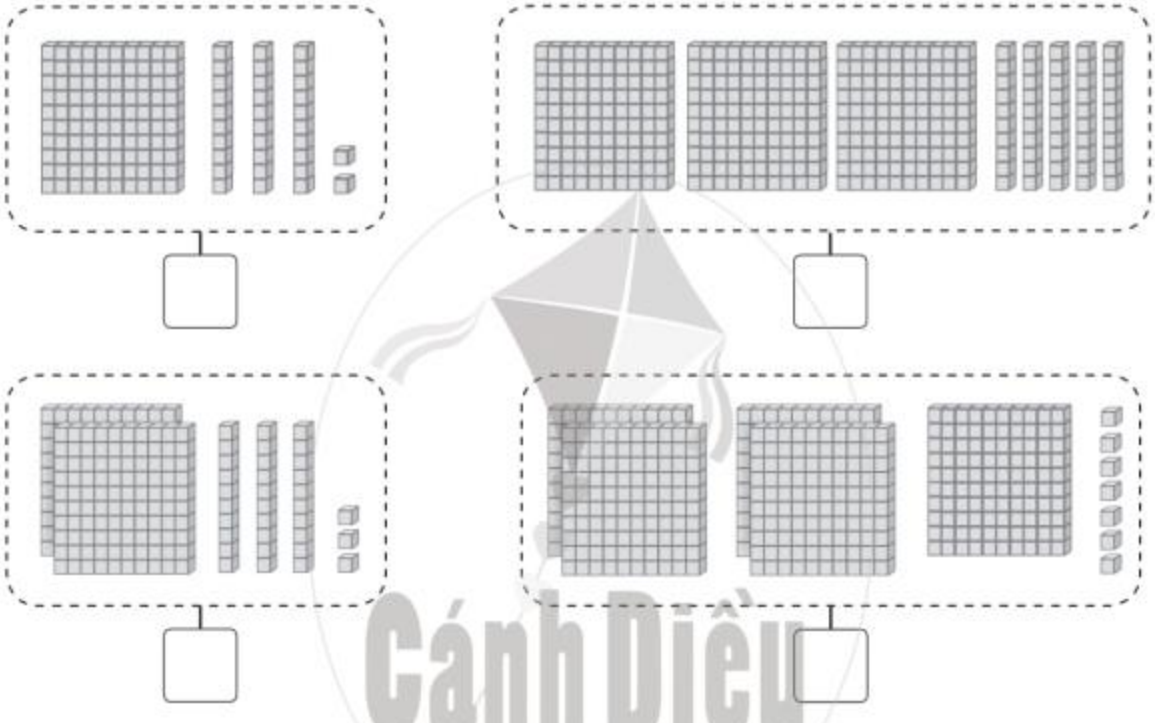

2 Nối cách đọc tương ứng với số:

Sáu trăm bốn mươi	Hai trăm hai mươi ba	Tám trăm

513 125 640 800 223 705

Năm trăm mười ba	Bảy trăm linh năm	Một trăm hai mươi lăm

Bài 75 CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (tiếp theo)

1 Số ?

a)

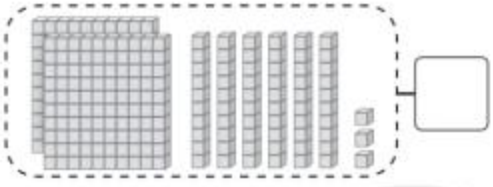

Trăm	Chục	Đơn vị

b)

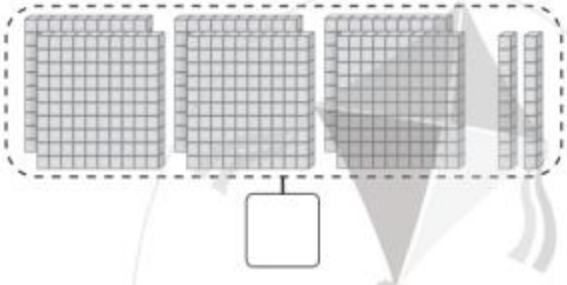

Trăm	Chục	Đơn vị

2 Viết (theo mẫu):

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
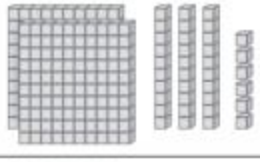	2	3	6	236	Hai trăm ba mươi sáu
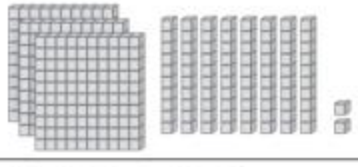	.....	.....	.....	.....	....
	.....	.....	.....	.....	....
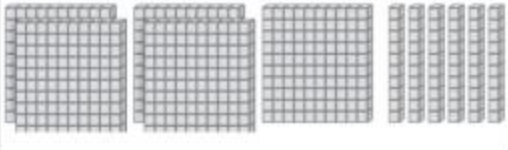	.....	.....	.....	.....	....

3 Số ?

Mẫu: 236 gồm 2 trăm 3 chục 6 đơn vị.

a) 127 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

b) 360 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

c) 802 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

4 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

a) Một hộ gia đình nuôi 3 trăm con gà, 9 chục con vịt và 8 con ngỗng. Hộ gia đình đó nuôi được tất cả số con gà, vịt, ngỗng là:

A. 389 B. 398 C. 938

b) Một hộ gia đình khác nuôi 2 trăm con vịt, 8 chục con gà. Hộ gia đình đó nuôi được tất cả số con gà, vịt là:

A. 280 B. 208 C. 802

Bài 76 SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

1 = < > ?

572 ◯ 577 936 ◯ 836 437 ◯ 473

486 ◯ 468 837 ◯ 837 189 ◯ 286

2 **So sánh số học sinh của các trường tiểu học dưới đây:**

Trường Kim Đồng
581 học sinh

Trường Thành Công
496 học sinh

Trường Quyết Thắng
605 học sinh

Trả lời: .....

.....

.....

3 Trò chơi "Lập số"

– Mỗi người chơi lấy ra ba thẻ số và tạo thành một số có ba chữ số.

– Người nào có số lớn hơn là thắng.

Ở mỗi lần chơi, hãy viết các số em và bạn lập được rồi khoanh vào số lớn hơn:

Lần chơi	Số của em	Số của bạn
Lần 1		
Lần 2		
Lần 3		

Bài 77 LUYỆN TẬP

1 **Viết số và dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống:**

a) 758 và 96

	Trăm	Chục	Đơn vị
758 →			
96 →			

758 ◯ 96

b) 62 và 107

	Trăm	Chục	Đơn vị
62 →			
107 →			

62 ◯ 107

c) 549 và 495

	Trăm	Chục	Đơn vị
549 →			
495 →			

549 ◯ 495

2 < > = ?

600 ◯ 900 370 ◯ 307 402 ◯ 420

527 ◯ 27 813 ◯ 813 92 ◯ 129

3 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Cho các số:

994 571 383 997

a) Số lớn nhất là: .....

b) Số bé nhất là: .....

c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....; .....; .....; .....

Cánh Diều

4 **Số ?**

500	600		800		
630	640		660		
405	406		408		
211		213	214		

5 **Quan sát hình vẽ:**

135 cm 130 cm 140 cm 138 cm

Viết chiều cao của các bạn học sinh theo thứ tự từ cao đến thấp:

.....; .....; .....; .....

Bài 78 LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

a)

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số
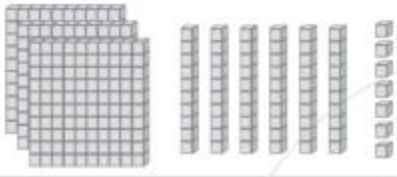	.....	.....	.....	.....
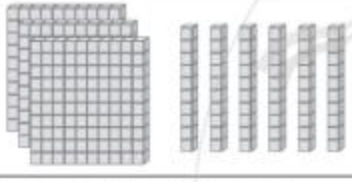	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....

b) – Số 451 gồm ..... trăm ..... chục ..... đơn vị.

– Số 308 gồm ..... trăm ..... chục ..... đơn vị.

– Số 270 gồm ..... trăm ..... chục ..... đơn vị.

2 **Số ?**

904 905 ☐ 907 ☐ 909 910 ☐ 912 913 ☐

676 678 ☐ 682 ☐ 686 688 ☐ 692 694 ☐

350 360 ☐ 380 ☐ 400 410 ☐ 430 440 ☐

3 $\boxed{> < =}$?

367 ◯ 421 608 ◯ 680 242 ◯ 242

245 ◯ 319 666 ◯ 88 900 ◯ 99

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Cho các số:

a) Số lớn nhất là: .....

b) Số bé nhất là: .....

c) Viết các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....; .....; .....; .....

5 **Em hãy ước lượng có bao nhiêu chấm tròn trong hình dưới đây:**

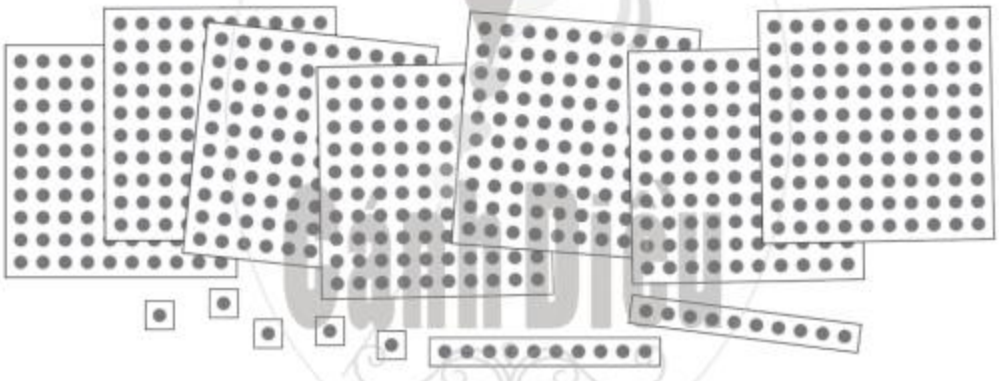

Trong hình trên có khoảng ..... chấm tròn.

6 **Kể một số tình huống thực tế có sử dụng các số trong phạm vi 1000 mà em biết.**

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 79 PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

1 **Tính:**

623 + 322	208 + 241	417 + 111	759 + 200 .....

2 **Đặt tính rồi tính:**

153 + 426	582 + 207	450 + 125	666 + 300
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

Cánh Diều

3 **Tính (theo mẫu):**

Mẫu:

124
+ 35
159

- 4 cộng 5 bằng 9, viết 9
- 2 cộng 3 bằng 5, viết 5
- Hạ 1, viết 1

Vậy 124 + 35 = 159

452 + 37	304 + 72	644 + 30	326 + 61 .....

4 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 261 \\ +\ \ 4 \\ \hline 265 \end{array}$$

- 1 cộng 4 bằng 5, viết 5
- Hạ 6, viết 6
- Hạ 2, viết 2

Vậy 261 + 4 = 265

$$\begin{array}{r} 173 \\ +\ \ 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 327 \\ +\ \ 2 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 204 \\ +\ \ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 671 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array}$$

....

5 Đặt tính rồi tính:

803 + 55 246 + 31 510 + 9 694 + 4

....

....

....

6 Lớp 2A và lớp 2B cùng sưu tầm các bức ảnh về động vật trong sách đỏ Việt Nam. Lớp 2A sưu tầm được 145 bức ảnh, lớp 2B sưu tầm được 154 bức ảnh. Hỏi hai lớp sưu tầm được tất cả bao nhiêu bức ảnh?

Bài giải

Cánh Diều

Bài 80 PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

1 **Tính:**

742 – 312	856 – 401	499 – 258	364 – 310 .....

2 **Đặt tính rồi tính:**

625 – 110	865 – 224	743 – 543	946 – 932
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 **Tính (theo mẫu):**

Mẫu:

583
– 32
551

- 3 trừ 2 bằng 1, viết 1
- 8 trừ 3 bằng 5, viết 5
- Hạ 5, viết 5

Vậy 583 – 32 = 551

395 – 43	572 – 22	846 – 40	932 – 32 .....

Cánh Diều

4 **Tính (theo mẫu):**

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 427 \\ -\ \ 6 \\ \hline 421 \end{array}$$

- 7 trừ 6 bằng 1, viết 1
- Hạ 2, viết 2
- Hạ 4, viết 4

Vậy 427 – 6 = 421

$\begin{array}{r} 447 \\ -\ \ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 627 \\ -\ \ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 529 \\ -\ \ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 216 \\ -\ \ 6 \\ \hline \end{array}$
.....	.....	.....	.....

5 **Đặt tính rồi tính:**

539 – 28	387 – 16	602 – 2	435 – 4
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

6 Ở một đài quan sát thiên văn, ngày thứ nhất có 259 học sinh đến tham quan, ngày thứ hai số học sinh tham quan ít hơn ngày thứ nhất 45 học sinh. Hỏi ngày thứ hai có bao nhiêu học sinh đến tham quan?

Bài giải

Cánh Diều

Bài 81 LUYỆN TẬP

1 **Tính:** a)

326	422	704	498
+ 253	+ 312	+ 25	+ 1
.....	.....	.....	.....

b)

457	543	169	179
– 216	– 102	– 35	– 8
.....	.....	.....	.....

2 **Đặt tính rồi tính:**

a) 174 + 625 607 + 82 281 + 8

....

....

....

b) 487 – 234 596 – 95 724 – 4

....

....

....

3 a) Tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: 500 + 300 = 800 1000 – 400 = 600

200 + 400 = ... 600 – 100 = ... 300 + 60 + 7 = ...

700 + 300 = ... 1000 – 200 = ... 900 + 90 + 9 = ...

500 + 500 = ... 1000 – 900 = ... 700 + 20 + 5 = ...

Cánh Diều

b) Trò chơi "Tìm bạn cùng qua cầu"

Viết cách hướng dẫn các bạn qua cầu: .....

.....

.....

4 **Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):**

Mẫu: • 415 gồm 4 trăm 1 chục 5 đơn vị, ta viết 415 = 400 + 10 + 5.
• 820 gồm 8 trăm 2 chục 0 đơn vị, ta viết 820 = 800 + 20.
• 709 gồm 7 trăm 0 chục 9 đơn vị, ta viết 709 = 700 + 9.

a) 683:.....

.....

b) 127:.....

.....

c) 303:.....

.....

d) 240:.....

.....

5 **Thực hiện phép trừ rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép cộng:**

a) $\begin{array}{r} 588 \\ -\ 216 \\ \hline \ldots\ldots \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 216 \\ +\ \ldots\ldots \\ \hline 588 \end{array}$

b) $\begin{array}{r} 375 \\ -\ 143 \\ \hline \ldots\ldots \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} 143 \\ +\ \ldots\ldots \\ \hline 375 \end{array}$

6 Hưởng ứng phong trào "Trồng cây gây rừng", xã Thắng Lợi đã trồng được 345 cây bạch đàn và 420 cây keo tai tượng. Hỏi xã Thắng Lợi đã trồng được tất cả bao nhiêu cây bạch đàn và cây keo tai tượng?

Bài giải

Bài 82 MÉT

1 a) Kể tên một số đồ vật dài hơn 1 m.

Trả lời: .....

.....

b) Kể tên một số đồ vật ngắn hơn 1 m.

Trả lời: .....

.....

2 a) Tính: 7 m + 3 m = ... 15 m – 9 m = ...

2 m x 4 = ... 20 m : 5 = ...

b) **Số** ?

1 m = ☐ cm 2 m = ☐ cm 100 cm = ☐ m

1 m = ☐ dm 2 m = ☐ dm 20 dm = ☐ m

3 Cuộn dây điện thứ nhất dài 36 m, cuộn dây điện thứ hai ngắn hơn cuộn dây thứ nhất 9 m. Hỏi cuộn dây điện thứ hai dài bao nhiêu mét?

Bài giải

Cánh Diều

4 a) Nối mỗi đồ vật với số đo độ dài thích hợp:

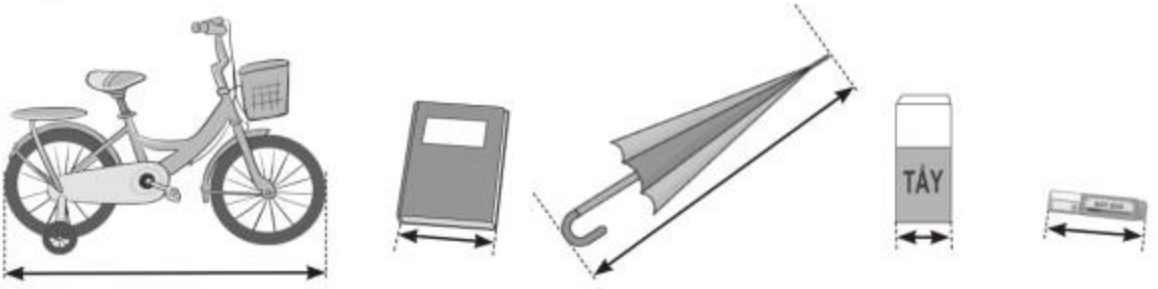

1 cm 1 dm 1 m

b) Khoanh vào chữ đặt trước số đo thích hợp:

Tháp Rùa ở hồ Hoàn Kiếm cao khoảng:

A. 9 cm

B. 9 dm

C. 9 m

Cột cờ Hà Nội cao khoảng:

A. 33 cm

B. 33 dm

C. 33 m

Cánh Diều

5 **Thực hành:** Đo rồi cắt sợi dây có độ dài 1 m, 2 m.

Bài 83 KI-LÔ-MÉT

1 **Khoanh vào chữ đặt trước số đo độ dài thích hợp:**

a) Cầu Nhật Tân dài khoảng:

A. 4 m

B. 4 km

b) Xe buýt dài khoảng:

A. 10 m

B. 10 km

2 a) Tính: 200 km + 140 km = ... 160 km – 60 km = ...

2 m x 9 = ... 45 km : 5 = ...

b) < > = ?

1 km ◯ 300 m + 600 m 1000 m ◯ 1 km

980 m + 10 m ◯ 1 km 315 m + 683 m ◯ 1 km

3 **Đọc bảng sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm:**

Quãng đường	Dài khoảng
Hà Nội – Vinh	300 km
Hà Nội – Lai Châu	450 km
Hà Nội – Quảng Ninh	153 km
Hà Nội – Thanh Hoá	150 km

a) Trong các tuyến đường từ Hà Nội đi các tỉnh này, tuyến đường dài nhất là:

.....

b) Từ Hà Nội đi Quảng Ninh xa hơn hay từ Hà Nội đi Vinh xa hơn?

Trả lời: .....

.....

4 **Quan sát sơ đồ, trả lời câu hỏi:**

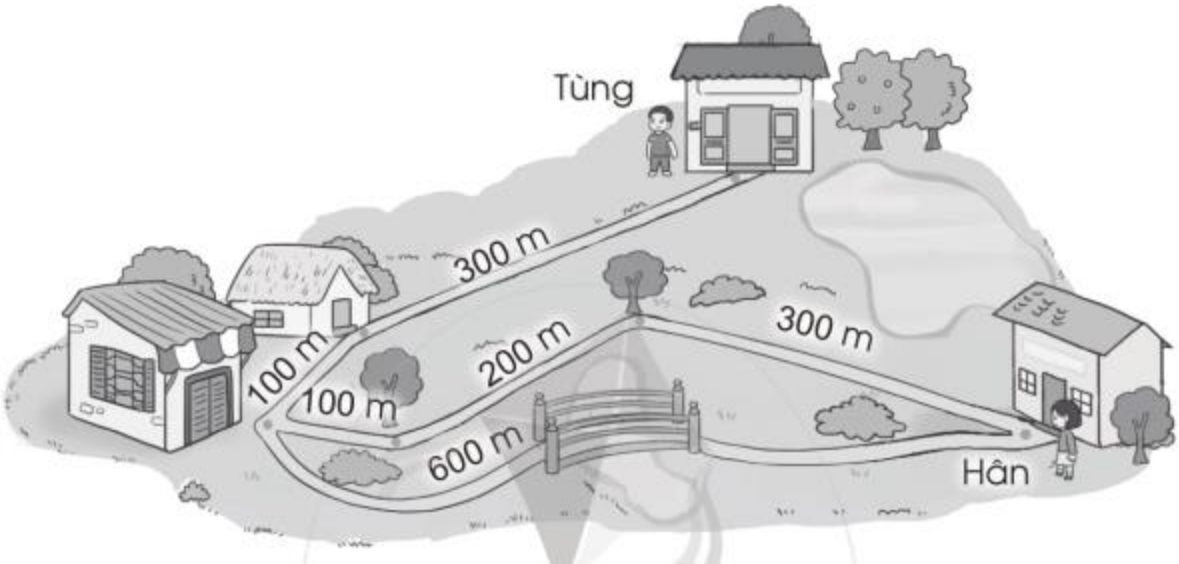

Tùng nói rằng: "Quãng đường đi từ nhà mình đến nhà Hân dài 1 km". Theo em, Tùng nói có đúng không?

Trả lời: .....

.....

.....

5 **Thực hành:** Ước lượng quãng đường đi từ nhà em đến trường.

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 84 PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

1 **Tính:**

567 + 316	498 + 261	624 + 306	253 + 456 .....

2 **Đặt tính rồi tính:**

632 + 339	187 + 560	402 + 478	593 + 315
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 **Tính (theo mẫu):**

Mẫu:

367
+ 25
392

- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2, nhớ 1
- 6 cộng 2 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9
- Hạ 3, viết 3

Vậy 367 + 25 = 392

635 + 27	367 + 52	116 + 48	292 + 85 .....

Cánh Diều

4 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 176 \\ +\ \ 8 \\ \hline 184 \end{array}$$

- 6 cộng 8 bằng 14, viết 4, nhớ 1
- 7 thêm 1 bằng 8, viết 8
- Hạ 1, viết 1

Vậy 176 + 8 = 184

$$\begin{array}{r} 345 \\ +\ \ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 576 \\ +\ \ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 439 \\ +\ \ 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 806 \\ +\ \ 5 \\ \hline \end{array}$$

....

5 Đặt tính rồi tính:

237 + 48 154 + 53 265 + 5 367 + 9

....

....

....

6 Đội công nhân mang đến vườn hoa thành phố 368 chậu hoa hồng và 150 chậu hoa cúc. Hỏi đội công nhân mang đến vườn hoa tất cả bao nhiêu chậu hoa?

Bài giải

Cánh Diều

Bài 85 LUYỆN TẬP

1 **Tính:**

209 + 376	597 + 122	143 + 48	625 + 7 .....

2 **Đặt tính rồi tính:**

a) 285 + 507 ....

164 + 53 ....

216 + 8 ....

b) 318 + 142 ....

248 + 25 ....

159 + 6 ....

Cánh Diều

3 **Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:**

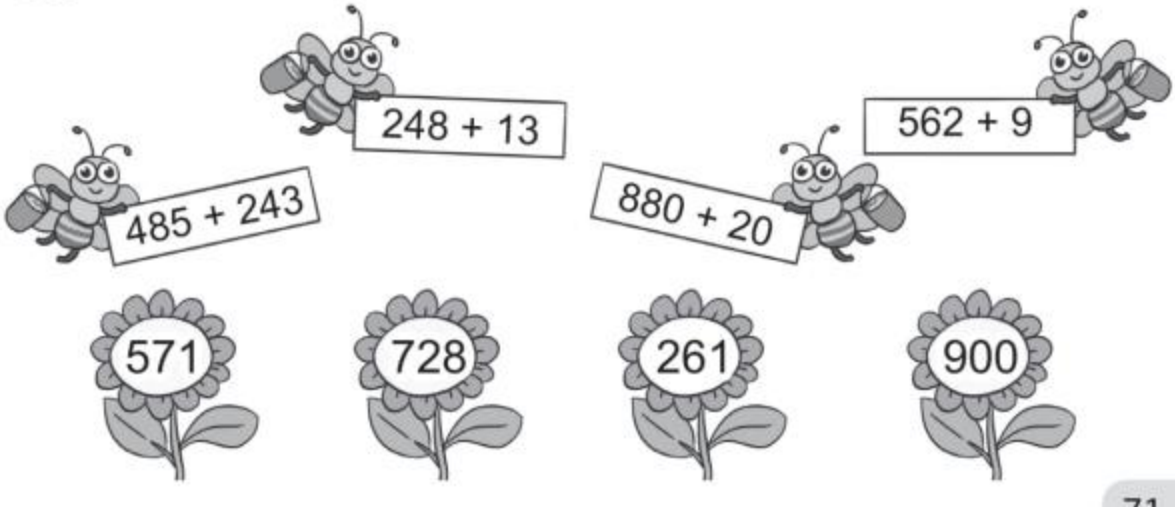

4 Một cửa hàng bán đồ thể thao đã nhập về 185 quả bóng đá, số bóng rổ cửa hàng nhập về nhiều hơn số bóng đá 72 quả. Hỏi cửa hàng đó đã nhập về bao nhiêu quả bóng rổ?

Bài giải

Cánh Diều

5 **Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:**

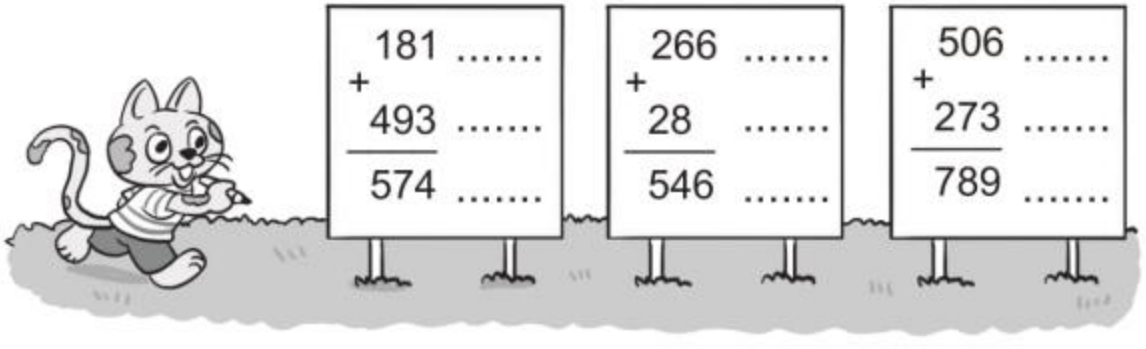

Bài 86 PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

1 **Tính:**

374	526	477	685
– 145	– 262	– 284	– 357
.....	.....	.....	.....

2 **Đặt tính rồi tính:**

364 – 156	439 – 357	785 – 157	831 – 740
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 **Tính (theo mẫu):**

Mẫu:

756
– 38
718

- 6 không trừ được 8 lấy 16 trừ 8 bằng 8, viết 8, nhớ 1
- 3 thêm 1 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1, viết 1
- Hạ 7, viết 7

Vậy 756 – 38 = 718

453	567	850	408
– 47	– 19	– 27	– 23
.....	.....	.....	.....

Cánh Diều

4 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 143 \\ -\ \ 7 \\ \hline 136 \end{array}$$

- 3 không trừ được 7 lấy 13 trừ 7 bằng 6, viết 6, nhớ 1
- 4 trừ 1 bằng 3, viết 3
- Hạ 1, viết 1

Vậy 143 – 7 = 136

323	615	467	613
– 6	– 9	– 8	– 5
.....	.....	.....	.....

5 Đặt tính rồi tính:

275 – 38	470 – 59	783 – 5	865 – 9
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

6 Một máy in sách đã in được 785 cuốn sách, người ta đã chuyển đi 658 cuốn sách. Hỏi còn lại bao nhiêu cuốn sách?

Bài giải

Cánh Diều

Bài 87 LUYỆN TẬP

1 **Tính:**

914	653	156	178
– 507	– 124	– 39	– 9
.....	.....	.....	.....

2 **Đặt tính rồi tính:**

492 – 314	451 – 32	237 – 8	873 – 225	734 – 26	425 – 6
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....

3 **Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:**

4 Để sửa sang một công viên, người ta đã mua 956 viên gạch xám và gạch đỏ. Biết rằng có 465 viên gạch xám. Hỏi có bao nhiêu viên gạch đỏ?

Bài giải

Bài 88 LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Tính:**

a)

567	158	127
+ 192	+ 12	+ 4
.....	.....	.....

b)

792	628	247
– 386	– 37	– 9
.....	.....	.....

2 **Đặt tính rồi tính:**

a)

126 + 268	687 + 91	186 + 5
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

b)

825 – 408	536 – 66	224 – 8
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

3 a) Tính nhẩm:

230 + 20 = ...	150 + 350 = ...	405 + 45 = ...
650 – 150 = ...	835 – 35 = ...	200 – 50 = ...

Cánh Diều

b) Trò chơi "Ai nhanh ai đúng"

Mỗi bạn viết hai số có ba chữ số nhỏ hơn 500 rồi tính tổng. Ai có tổng lớn hơn sẽ thắng cuộc.

Ở mỗi lần chơi, hãy viết tổng của em và tổng của bạn lập được rồi khoanh vào tổng lớn hơn:

Lần chơi	Tổng của em	Tổng của bạn
Lần 1		
Lần 2		
Lần 3		

Cánh Diều

4 = < > ?

280 + 300 ◯ 280 + 30

640 – 400 ◯ 460 – 400

750 + 40 ◯ 40 + 750

900 – 80 ◯ 960 – 80

5 Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Bạc Liêu dài 288 km. Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vĩnh Long dài 134 km. Hỏi quãng đường nào dài hơn và dài hơn bao nhiêu ki-lô-mét?

Trả lời: .....

.....

.....

.....

6 Mỗi ngày anh Nam đều tập thể dục bằng cách chạy bộ theo con đường như sơ đồ dưới đây. Nếu chạy 2 vòng thì anh Nam đã chạy được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét?

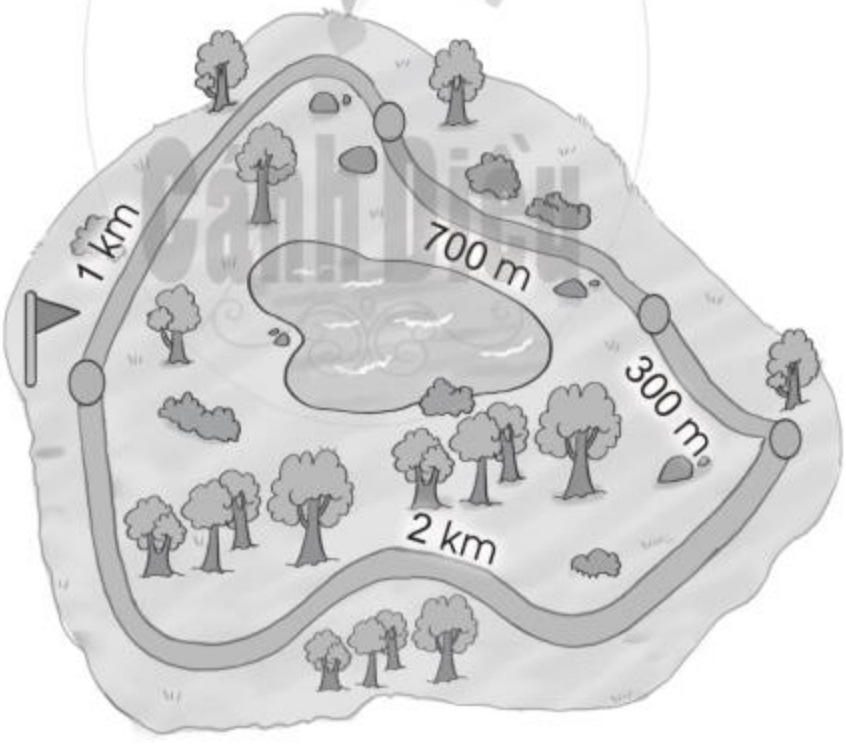

Trả lời: .....

.....

Bài 89 LUYỆN TẬP CHUNG

1 **Tính:** a)

432	192	994
+ 257	+ 406	– 770
.....	.....	.....

b)

248	594	481
+ 134	+ 132	– 136
.....	.....	.....

2 **Đặt tính rồi tính:**

249 + 128	859 – 295	175 – 64	172 + 65	171 – 8	360 – 170
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....

3 Bạn Gấu phải đi qua các vị trí ghi phép tính có kết quả lần lượt là 100, 300, 500, 700, 900, 1000 để đến nhà bạn Voi. Hãy tô màu để chỉ đường giúp bạn Gấu.

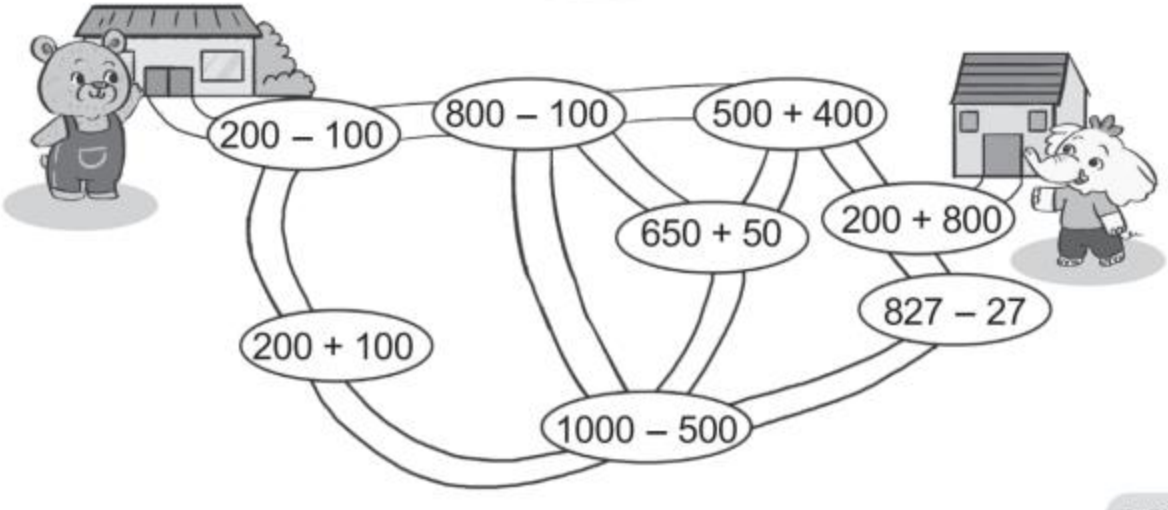

4 Anh cao 145 cm, em thấp hơn anh 19 cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

5 Ở một bảo tàng sinh vật biển, buổi sáng có 219 lượt khách đến tham quan, buổi chiều có nhiều hơn buổi sáng 58 lượt khách. Hỏi bảo tàng đã đón bao nhiêu lượt khách đến tham quan vào buổi chiều?

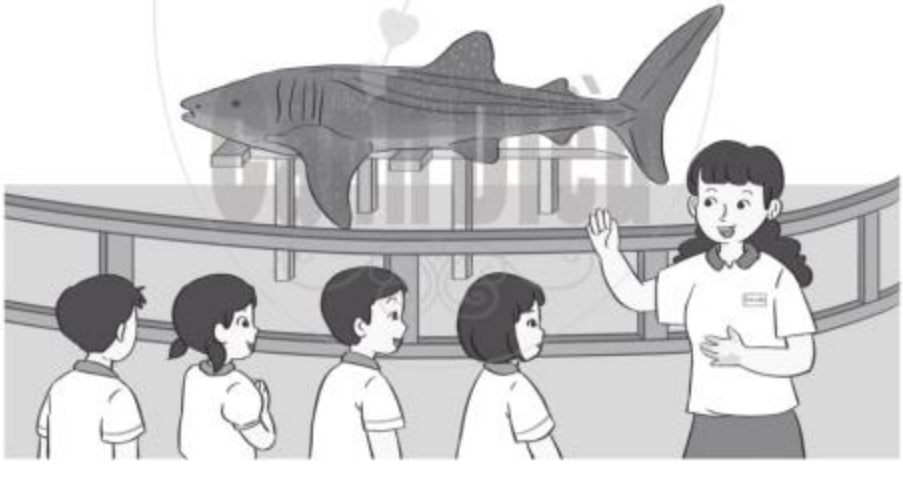

Bài giải

Bài 90 THU THẬP – KIỂM ĐẾM

1 Số ?

2 **Kiểm đếm số lượng từng loại con vật: châu chấu, chuồn chuồn, bọ rùa và ghi lại kết quả (theo mẫu):**

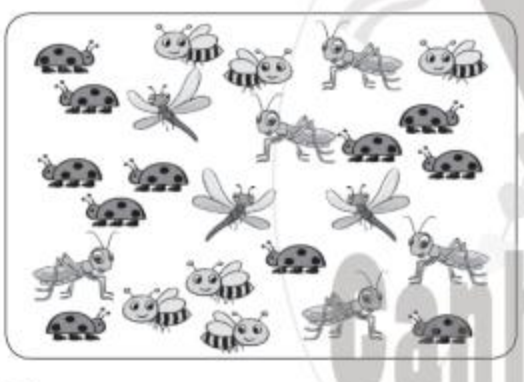

Mẫu: Ong 6

Châu chấu:.....

Chuồn chuồn:.....

Bọ rùa:.....

3 a) Kiểm đếm số lượng từng loại trái cây: na, thanh long, dâu tây, dứa và ghi lại kết quả (theo mẫu):

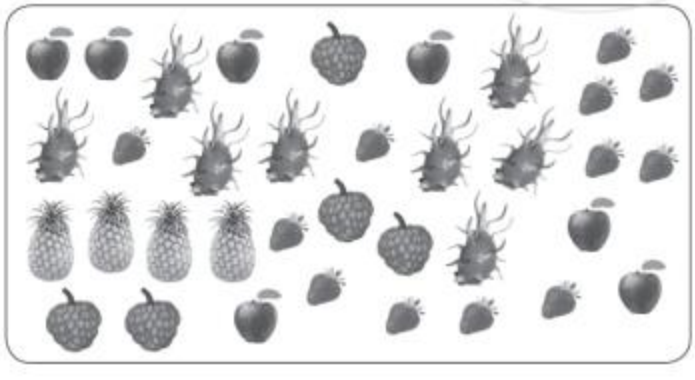

Mẫu: Táo 7

.....

.....

.....

.....

b) Loại trái cây có nhiều nhất là:.....

Loại trái cây có ít nhất là:.....

4 **Một người theo dõi thời tiết đã ghi lại thời tiết trong tháng 6 như sau:**

Tháng 6	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

a) Hãy kiểm đếm và ghi lại kết quả:

Số ngày nắng:.....

Số ngày mưa:.....

Số ngày nhiều mây:.....

b) Viết nhận xét về số ngày nắng trong tháng trên:

.....

.....

5 **Trò chơi "Oẳn tù tì"**

Em và bạn thực hiện nhiều lần, kiểm đếm và ghi lại kết quả mỗi lần chơi (theo mẫu):

Mẫu:

Tên / Vòng	Đức	Linh
Vòng 1	𝍸 𝍸 II	𝍸 III

Đức Linh

Tên / Vòng	.....	.....
Vòng 1		
Vòng 2		

Bài 91 BIỂU ĐỒ TRANH

1 **Quan sát biểu đồ tranh sau:**

Số khối lập phương theo màu sắc

Xanh	
Đỏ	
Tím	
Vàng	

Trả lời các câu hỏi:

a) Có bao nhiêu khối lập phương màu xanh?

.....

b) Có bao nhiêu khối lập phương màu tím?

.....

c) Những khối lập phương màu nào có số lượng bằng nhau?

.....

2 **Quan sát biểu đồ tranh sau:**

Số trứng mỗi con gà đẻ được trong một tuần

Gà mái mơ	
Gà mái ri	
Gà mái đen	

Trả lời các câu hỏi:

a) Mỗi con gà đẻ được bao nhiêu quả trứng?

.....

b) Con gà nào đẻ được nhiều trứng nhất? Con gà nào đẻ được ít trứng nhất?

.....

c) Ba con gà đã đẻ được tất cả bao nhiêu quả trứng?

.....

.....

3 **Quan sát biểu đồ tranh sau:**

Phương tiện đến trường của học sinh lớp 2A

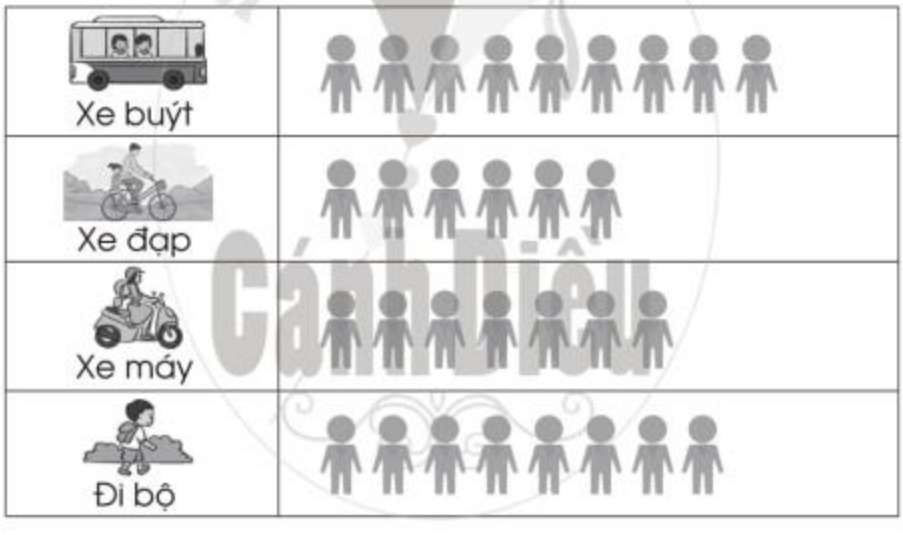

Trả lời các câu hỏi:

a) Có bao nhiêu học sinh đi học bằng xe buýt?

.....

b) Có bao nhiêu học sinh đi học bằng xe đạp?

.....

c) Các học sinh đến trường bằng phương tiện nào nhiều nhất?

.....

Bài 92 CHẮC CHẮN – CÓ THỂ – KHÔNG THỂ

1 **Nối thẻ ghi từ thích hợp với mỗi hình vẽ:**

Chắc chắn xảy ra	Có thể xảy ra	Không thể xảy ra

Lấy ra được 1 ●

Lấy ra được 1 ●

Lấy ra được 1 ●

2 **Sử dụng các từ "chắc chắn", "có thể", "không thể" để mô tả tình huống trong bức tranh sau:**

Trả lời: .....

.....

.....

3 Trò chơi "Tập tầm vông"

Em và bạn thực hiện nhiều lần, đánh dấu ✓ vào những lần đoán đúng:

Tên / Lần	.....	.....
Lần 1		
Lần 2		
.....		
.....		

Người dự đoán kết quả đúng nhiều lần hơn là: .....

Cánh Diều

Bài 93 EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 a) **Số** ?

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số
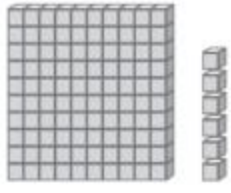	.....	.....	.....	.....
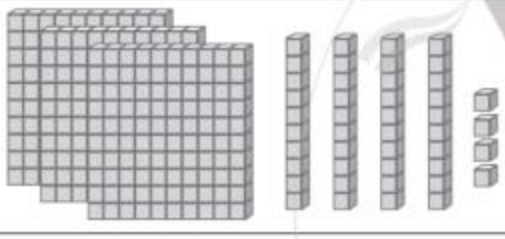	.....	.....	.....	.....

b) **Số** ?

- 391 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

Ta viết 391 = ☐ + ☐ + ☐

- 928 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

Ta viết 928 = ☐ + ☐ + ☐

- 770 gồm ☐ trăm ☐ chục ☐ đơn vị.

Ta viết 770 = ☐ + ☐ + ☐

2 **= < >** ?

298 ◯ 503 189 ◯ 189

972 ◯ 890 403 ◯ 430

Cánh Diều

3 a) Đặt tính rồi tính:

239 + 415	782 + 56	484 – 247	622 – 71
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

b) **Số** ?

907	707	507		952	852	752	
807	607	407		752	652	552	
707				552			

4 **Quan sát biểu đồ tranh sau rồi trả lời các câu hỏi:**

Số học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật

Lớp 2A	
Lớp 2B	
Lớp 2C	
Lớp 2D	

a) Lớp 2B có bao nhiêu học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật?

.....

b) Lớp nào có nhiều học sinh tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật nhất?

.....

5 Một người đi 18 km để đến thị trấn, sau đó lại đi tiếp 12 km để đến thành phố. Hỏi người đó đã đi được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

6 **Tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng:**

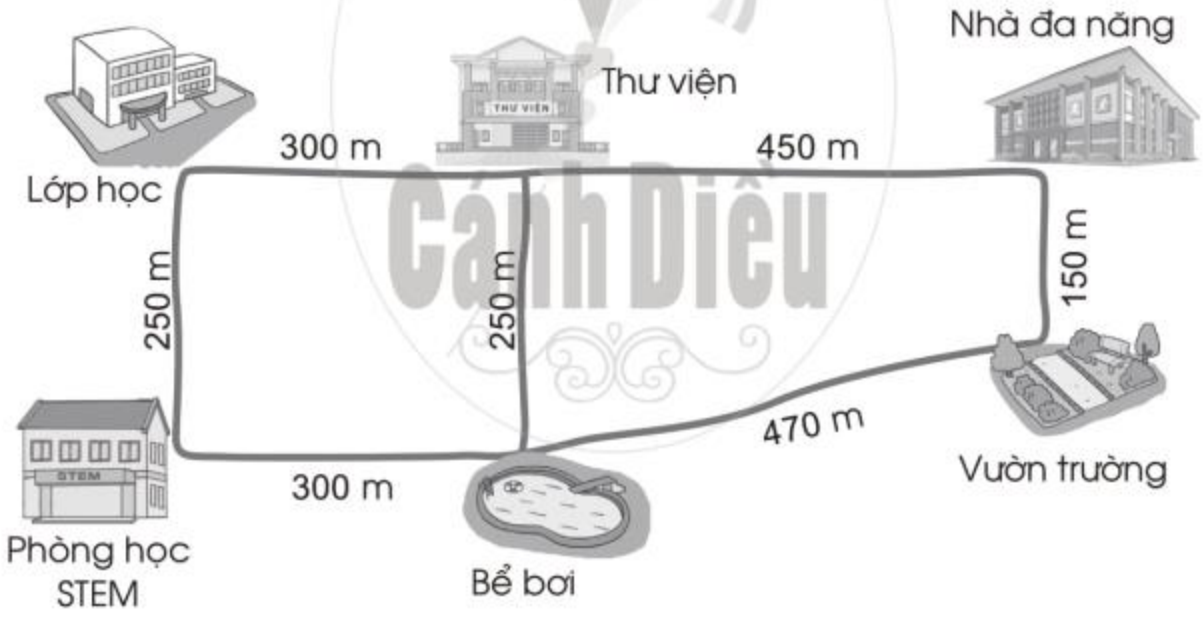

Trả lời: .....

.....

.....

Bài 94 BÀI KIỂM TRA SỐ 4

1 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

a)

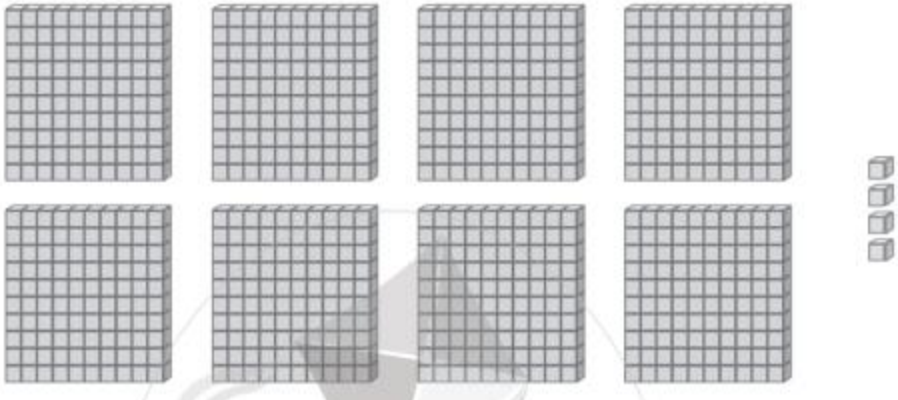

Hình trên có số ô vuông là:

A. 84 B. 804 C. 408 D. 840

b) Số 895 được viết thành:

A. 8 + 9 + 5 B. 5 + 9 + 8 C. 800 + 90 + 5 D. 500 + 90 + 8

2 Viết tiếp vào chỗ chấm:

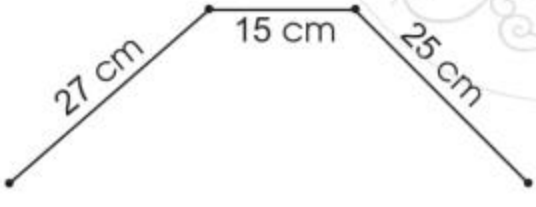

Cho một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng có độ dài lần lượt là 27 cm, 15 cm, 25 cm. Độ dài đường gấp khúc đó là .....

3 Đặt tính rồi tính:

263 + 322	735 – 313	905 + 76	858 – 709
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

4 a) Hình sau có ..... hình tứ giác.

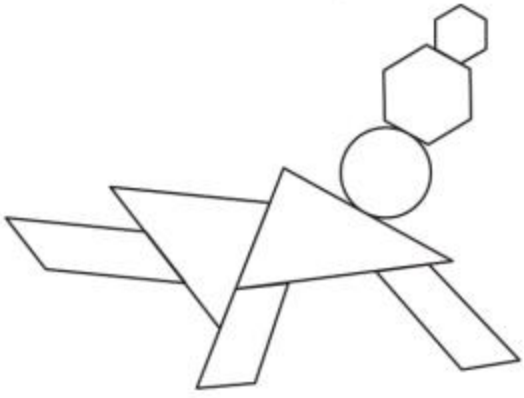

b) Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

Chiều dài chiếc bảng lớp khoảng:

A. 2 cm B. 2 dm C. 2 m D. 2 km

5 a) Viết phép nhân thích hợp với tranh vẽ:

□ ○ □ = □

b) Viết số hoặc phép chia thích hợp:

Có 15 bông hoa cắm đều vào 3 lọ, mỗi lọ có □ bông hoa.

□ ○ □ = □

6 **Duy khảo sát các hoạt động trong ngày Chủ nhật của các bạn lớp 2D và thể hiện trong biểu đồ tranh sau:**

Hoạt động trong ngày Chủ nhật của các học sinh lớp 2D

Đi mua sắm	
Chơi thể thao	
Chơi game	
Xem phim	
Hoạt động khác	

Quan sát biểu đồ tranh trên rồi trả lời các câu hỏi:

a) Có bao nhiêu học sinh được khảo sát?

.....

b) Tổng số học sinh chơi thể thao và chơi game bằng bao nhiêu?

.....

7 Thuyền thứ nhất có 305 người, thuyền thứ hai có nhiều hơn thuyền thứ nhất 86 người. Hỏi thuyền thứ hai có bao nhiêu người?

Bài giải

Cánh Diều

Bài 95 ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000

1 Nối các thẻ cho thích hợp:

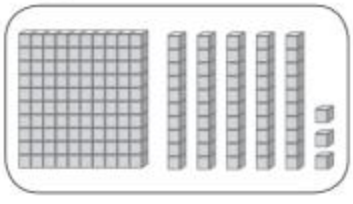

Một trăm năm mươi ba

1 trăm 5 chục 3 đơn vị

153

100 + 30 + 5

135

1 trăm 3 chục 5 đơn vị

Một trăm ba mươi lăm

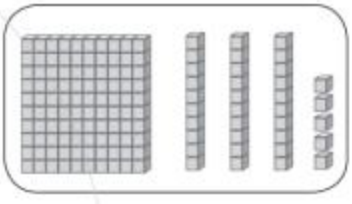

100 + 50 + 3

2 Số ?

930 680 850 999 790

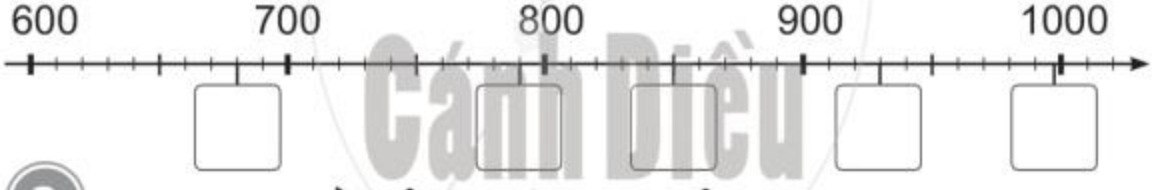

3 Xem tranh rồi trả lời các câu hỏi:

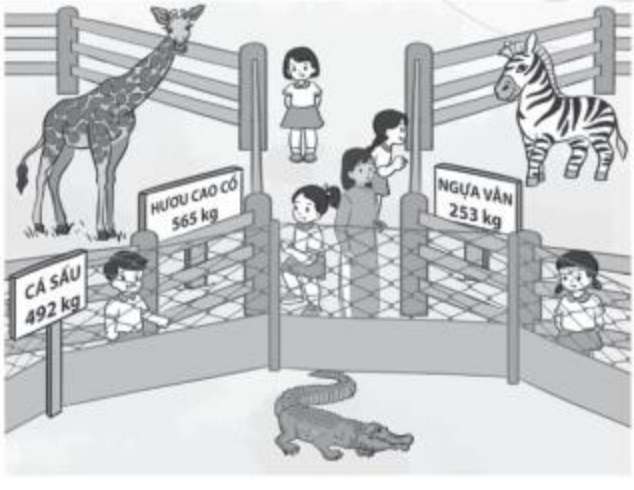

a) Con vật nào nặng nhất?

.....

b) Cá sấu nặng hơn ngựa vằn bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

4 **Đặt tính rồi tính:**

278 + 441	69 + 108	374 – 182	645 – 73
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

5 Trên một chuyến tàu Bắc – Nam có 576 hành khách mua vé ngồi và 152 hành khách mua vé giường nằm. Hỏi chuyến tàu đó có tất cả bao nhiêu hành khách?

Bài giải

6 **Trò chơi "Con số bí ẩn"**

– Mỗi bạn viết một số rồi gợi ý cho bạn khác đoán đúng số mình viết.

– Sau ba lượt chơi bạn nào đoán đúng được nhiều số nhất sẽ thắng cuộc.

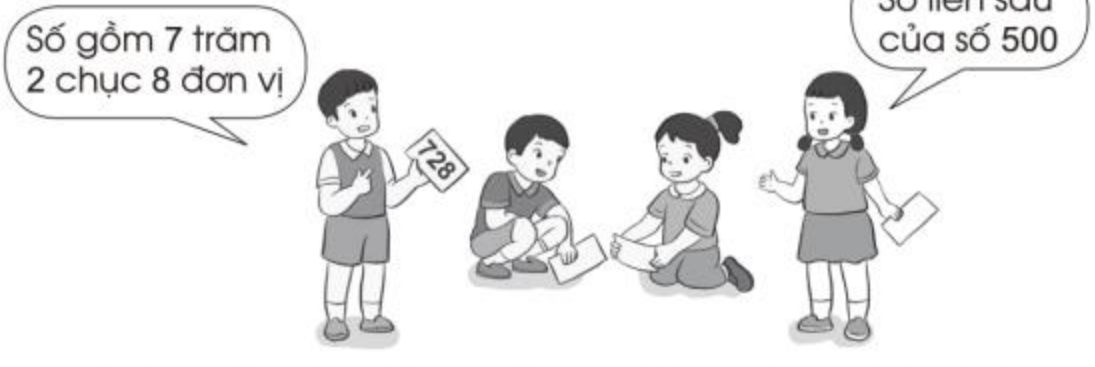

Hãy viết các số em đoán đúng vào chỗ chấm:

.....

Bài 96 ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 1000 (tiếp theo)

1 **Tính nhẩm:**

300 + 600 = ... 700 + 300 = ... 400 + 60 + 3 = ...

500 – 400 = ... 1000 – 800 = ... 900 – 300 – 50 = ...

2 **Tính nhẩm:**

2 x 7 = ...	5 x 2 = ...	12 : 2 = ...	15 : 5 = ...
2 x 4 = ...	5 x 9 = ...	6 : 2 = ...	30 : 5 = ...
2 x 8 = ...	5 x 6 = ...	20 : 2 = ...	50 : 5 = ...

3 **Xem tranh rồi viết phép nhân và phép chia thích hợp:**

□ x □ = □ : □ = □

□ : □ = □

4 **Số** ?

Mỗi xe đạp có 2 bánh xe:

a) 2 xe đạp có ☐ bánh xe.

b) 5 xe đạp có ☐ bánh xe.

c) 6 xe đạp có ☐ bánh xe.

5 **Nhà Nam thu hoạch được 20 quả dưa hấu.**

Trả lời các câu hỏi:

a) Nếu chia đều vào 5 rổ thì mỗi rổ có mấy quả dưa hấu?

.....

b) Nếu xếp vào mỗi rổ 5 quả dưa hấu thì cần mấy rổ?

.....

Bài 97 ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 a) Viết tên đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong hình sau:

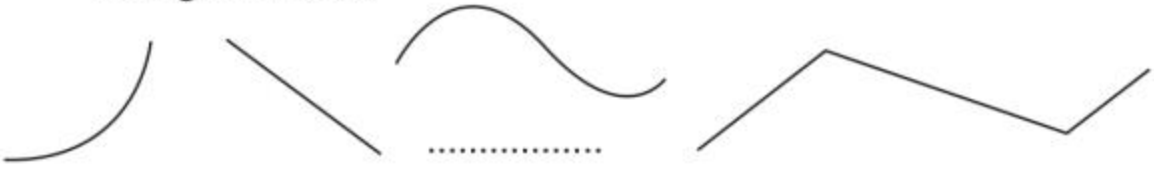

....

b) Viết tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình sau:

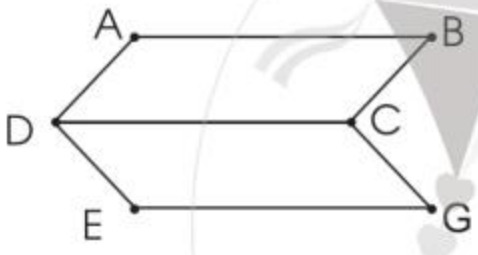

.....
.....
.....
.....
.....
.....

c) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 6 cm.

2 Số ?

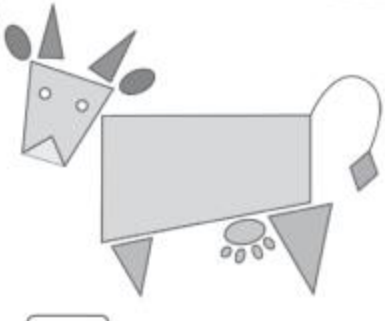

a) Có ☐ hình tam giác.

Có ☐ hình tứ giác.

b) Có ☐ khối trụ.

Có ☐ khối cầu.

Cánh Diều

3 **Đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCDEG sau:**

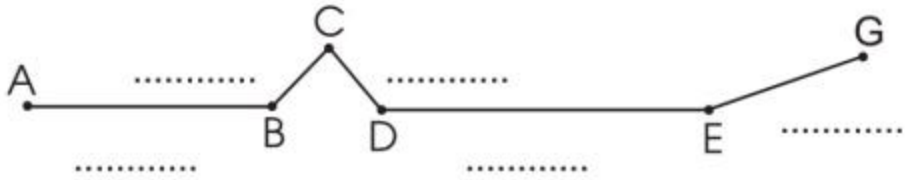

.....

.....

.....

4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

Nam nhảy dây từ ..... giờ ..... phút đến ..... giờ ..... phút.

5 Một thang máy chở được tối đa 600 kg. Hiện tại, thang máy đó đã chở 570 kg. Bạn Lan cân nặng 35 kg. Theo em, bạn Lan có thể vào tiếp trong thang máy đó được không?

Trả lời: .....

.....

6 **Ước lượng chiều cao cột cờ trường em.**

Chiều cao cột cờ trường em khoảng:

.....

.....

Bài 98 ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1 **Xem tranh rồi kiểm đếm số lượng từng loại con vật và ghi lại kết quả (theo mẫu):**

Mẫu: Thỏ 𝍸 || 7

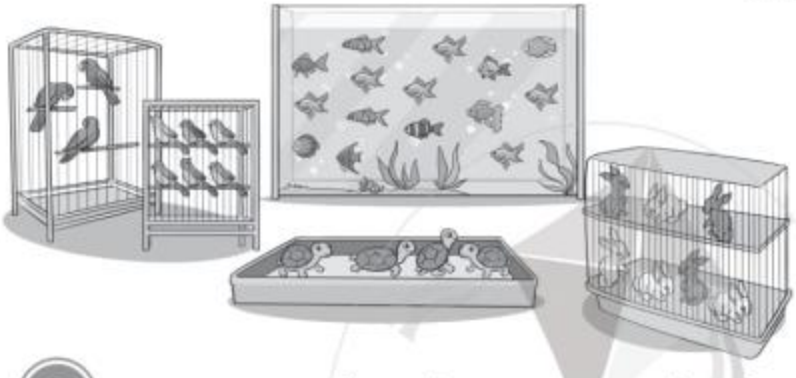

.....

.....

.....

.....

2 **Quan sát biểu đồ tranh sau rồi trả lời các câu hỏi:**

Số cốc nước uống trong một ngày

Khôi	
Giang	
Trâm	
Phước	

a) Biểu đồ tranh trên cho ta biết điều gì?.....

.....

b) Bạn Khôi uống mấy cốc nước trong một ngày?

.....

c) Bạn nào uống nhiều nước nhất? Bạn nào uống ít nước nhất? .....

.....

3 **Hà và Nam chơi trò chơi "Bịt mắt chọn hoa".**

Khoanh vào chữ đặt trước câu mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần chơi:

A. Hà có thể chọn được bông hoa màu trắng.

B. Hà không thể chọn được bông hoa màu trắng.

C. Hà chắc chắn chọn được bông hoa màu trắng.

4 **Có 5 thẻ ghi các số 1, 2, 3, 4, 5. Hãy rút ra một thẻ và đọc số ghi trên thẻ đó.**

Sử dụng các từ "chắc chắn", "có thể", "không thể" để mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần rút thẻ:

a) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 0.

.....

b) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 1.

.....

c) Thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10.

.....

Bài 99 ÔN TẬP CHUNG

1 **Số** ?

Hai trăm mười ba

200 + 10 + 3

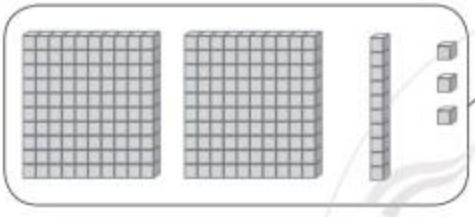

Trăm	Chục	Đơn vị
2	1	3

2 a) Khoanh vào số lớn nhất trong các số: 879, 978, 789, 979.

b) Khoanh vào số bé nhất trong các số: 465, 456, 645, 546.

c) Sắp xếp các số 599, 1000, 769, 687 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....; .....; .....; .....

3 a) Tính:

762 + 197 = ... 543 – 127 = ...

2 x 8 = ... 40 : 5 = ...

b) Viết phép nhân hoặc phép chia thích hợp với mỗi tranh vẽ:

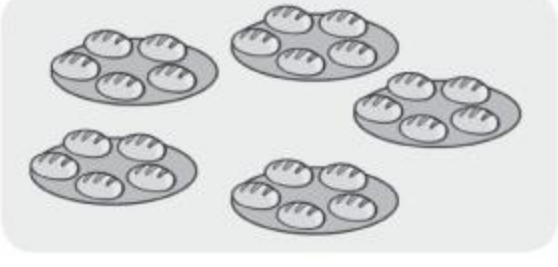

.....

.....

.....

Cánh Diều

.....

.....

.....

4 **Số** ?

a)

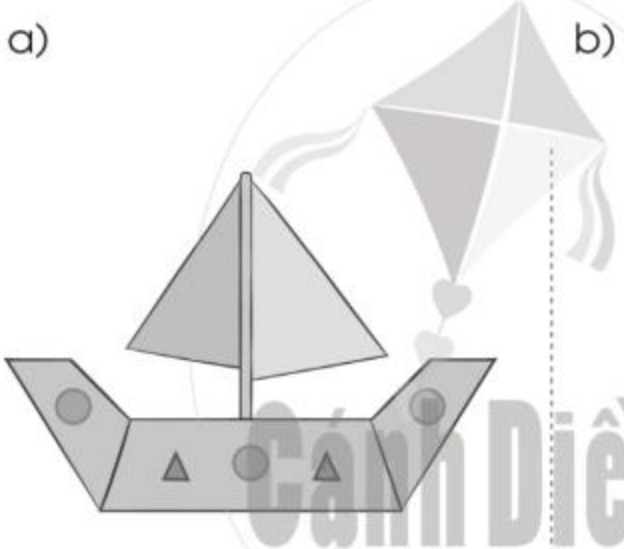

Có ☐ hình tứ giác.

Có ☐ hình tam giác.

b)

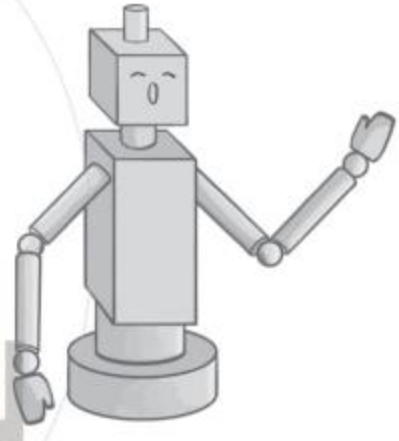

Có ☐ khối trụ.

Có ☐ khối cầu.

5 Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 150 *l* nước mắm, ngày thứ hai cửa hàng bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 75 *l* nước mắm. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán được bao nhiêu lít nước mắm?

Bài giải

6 **Xem tranh rồi kiểm đếm số lượng mỗi loại nhạc cụ mà các bạn đang cầm và ghi lại kết quả (theo mẫu):**

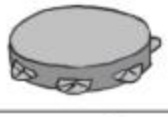	𝍸	5
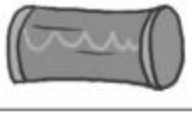		

MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng **Vở bài tập Toán 2** 3

Bài 52. Làm quen với phép nhân Dấu nhân 4

Bài 53. Phép nhân 6

Bài 54. Thừa số – Tích 9

Bài 55. Bảng nhân 2 10

Bài 56. Bảng nhân 5 12

Bài 57. Làm quen với phép chia Dấu chia 14

Bài 58. Phép chia 16

Bài 59. Phép chia (tiếp theo) 18

Bài 60. Bảng chia 2 20

Bài 61. Bảng chia 5 22

Bài 62. Số bị chia – Số chia – Thương 24

Bài 63. Luyện tập 25

Bài 64. Luyện tập chung 26

Bài 65. Khối trụ – Khối cầu 28

Bài 66. Thực hành lắp ghép, xếp hình khối 30

Bài 67. Ngày – Giờ 32

Bài 68. Giờ – Phút 34

Bài 69. Ngày – Tháng 36

Bài 70. Luyện tập chung 38

Bài 71. Em ôn lại những gì đã học 41

Bài 72. Bài kiểm tra số 3 44

Bài 73. Các số trong phạm vi 1000 47

Bài 74. Các số có ba chữ số 49

Bài 75. Các số có ba chữ số (tiếp theo) 50

Bài 76. So sánh các số có ba chữ số 52

Bài 77. Luyện tập 54

Bài 78. Luyện tập chung 56

Bài 79. Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000 58

Bài 80. Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000 60

Bài 81. Luyện tập 62

Bài 82. Mét 65

Bài 83. Ki-lô-mét 67

Bài 84. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 69

Bài 85. Luyện tập 71

Bài 86. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 73

Bài 87. Luyện tập 75

Bài 88. Luyện tập chung 76

Bài 89. Luyện tập chung 79

Bài 90. Thu thập – Kiểm đếm 81

Bài 91. Biểu đồ tranh 83

Bài 92. Chắc chắn – Có thể – Không thể 85

Bài 93. Em ôn lại những gì đã học 87

Bài 94. Bài kiểm tra số 4 90

Bài 95. Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 1000 93

Bài 96. Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 1000 (tiếp theo) 95

Bài 97. Ôn tập về hình học và đo lường 97

Bài 98. Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất 99

Bài 99. Ôn tập chung 101

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)

VỞ BÀI TẬP TOÁN 2 - TẬP HAI

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2
Cánh Diều

1. Tiếng Việt 2 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 2 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 2
4. Tự nhiên và Xã hội 2
5. Giáo dục thể chất 2
6. Âm nhạc 2
7. Mĩ thuật 2
8. Hoạt động trải nghiệm 2
9. Tiếng Anh 2 Explore Our World

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 2 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang web: https://canhdieu.monkey.edu.vn

TEM CHỐNG GIẢ

ISBN 978-604-54-8106-6
9 786045 481066